

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**  
**VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG DỪNG**  
**CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**  
**KHÔNG CHUYÊN VỀ LUẬT**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT  
ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Hà Nội 2014**

**CHỦ BIÊN**

**PGS.TS. Hoàng Thế Liên**

**TẬP THỂ TÁC GIẢ**

<b>TS. Nguyễn Văn Hương</b>	<b>Phần I</b>
<b>PGS.TS. Trần Hữu Tráng</b>	<b>Phần II</b>
<b>TS. Bùi Kiên Điện</b>	<b>Phần III</b>
<b>TS. Hoàng Văn Hùng</b>	<b>Phần IV</b>

***Thư ký nhóm biên soạn: TS. Nguyễn Văn Hương***

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức (Official development assistance)
UNODC	Văn phòng Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm (The United Nations Office on Drugs and Crime)
WTO	Tổ chức thương mại thế giới (The World Trade Organization)
TAND	Toà án nhân dân
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

## LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg ngày 02/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biên soạn cuốn *Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật*.

Tài liệu này được biên soạn phù hợp với yêu cầu giáo dục về phòng chống tham nhũng đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật. Nội dung cuốn tài liệu này giúp cho người học hiểu được khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng; nguyên nhân, tác hại của tham nhũng; ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng... để từ đó mỗi người có thể nhận biết, tố giác hành vi tham nhũng; vận động, giáo dục người thân, người xung quanh phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng (trong nhà trường, ở đơn vị công tác cũng như ở địa phương, nơi cư trú). Tất cả những điều đó nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng giới thiệu cuốn *Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật* với giảng viên, sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật và đông đảo bạn đọc.

Lần đầu tiên được biên soạn dùng làm tài liệu giảng dạy chính thức trong các trường đại học, cao đẳng, cuốn sách này chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Bộ Giáo dục và Đào tạo mong nhận được sự góp ý, phê bình của giảng viên, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Hà Nội, tháng 9 năm 2014  
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	1
LỜI NÓI ĐẦU .....	2
PHẦN I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC HÀNH VI THAM NHỮNG	4
1.1. Khái niệm tham nhũng .....	4
1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng.....	11
1.3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng.....	15
PHẦN II. NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC HẠI CỦA THAM NHỮNG.....	28
2.1. Nguyên nhân của tham nhũng.....	28
2.2. Tác hại của tham nhũng .....	42
PHẦN III. Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG .....	48
3.1. Phòng, chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền .....	48
3.2. Phòng, chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân.....	50
3.3. Phòng, chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội .....	51
3.4. Phòng, chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ và pháp luật.....	52
PHẦN IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG.....	55
4.1. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng.....	56
4.2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng.....	63
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	68

## PHẦN I

### KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG

#### 1.1. Khái niệm tham nhũng

Tham nhũng là thuật ngữ được sử dụng trong các văn bản pháp luật của Nhà nước Việt Nam trong khoảng hai chục năm trở lại đây. Văn bản pháp luật sớm nhất của Nhà nước sử dụng thuật ngữ “tham nhũng”, quy định việc xử lý hành vi tham nhũng là Quyết định Số 240-HĐBT, ngày 26 tháng 6 năm 1990 về đấu tranh chống tham nhũng của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ) và Nghị quyết của Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 1993 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu. Tiếp đó các văn bản pháp luật quy định trực tiếp về vấn đề đấu tranh chống tham nhũng lần lượt được ban hành như: Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh chống tham nhũng năm 2000; Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2007 và năm 2012.

Trong hoạt động phòng, chống tham nhũng, các văn bản pháp luật hình sự có vai trò đặc biệt quan trọng. Trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 và các văn bản pháp luật hình sự trước đó, chưa có văn bản nào sử dụng thuật ngữ “tham nhũng”. Thuật ngữ “tham nhũng” lần đầu tiên được sử dụng trong văn bản pháp luật hình sự, đó là Luật số 57/L-CTN sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 10 tháng 5 năm 1997. Theo Luật này, có 11 tội danh trong Bộ luật hình sự (sau đây viết là BLHS) được xác định là “tội phạm tham nhũng”<sup>1</sup>. Trong BLHS năm 1999, các tội phạm về tham

---

<sup>1</sup> Theo Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 10 tháng 5 năm 1997, 11 tội danh được xác định là tội phạm tham nhũng, trong đó có 9 tội danh được sửa đổi từ quy định của BLHS năm 1985 bao gồm: Tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa - Điều 133; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa - Điều 134a; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa - Điều 137a; Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân - Điều 156; Tội lập quỹ trái phép - Điều 175; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ - Điều 221; Tội giả mạo trong công tác - Điều 224; Tội nhận hối lộ - Điều 226; Tội đưa hối lộ, tội làm môi giới hối lộ - Điều 227; và 2 tội mới về tham nhũng được bổ sung là: Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ - Điều 221a và Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi - Điều 228a

những được quy định thành mục riêng - Mục A, Chương XXI của BLHS với 7 tội danh khác nhau.

Trong quá trình hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật về đấu tranh chống tham nhũng, các cơ quan có thẩm quyền như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao... có nhiều văn bản hướng dẫn việc xử lý các hành vi tham nhũng, các tội phạm về tham nhũng.

Nạn tham nhũng ngày nay không còn là vấn đề riêng của mỗi quốc gia mà đã trở thành vấn đề toàn cầu. Nó đã và đang phá hoại sự phát triển ổn định, bền vững của mỗi quốc gia. Các quốc gia trên thế giới đang cùng nhau thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để phòng ngừa và đấu tranh chống tệ nạn này. Đó cũng là lý do khiến nhiều quốc gia trên thế giới tham gia ký kết, áp dụng các biện pháp thực thi Công ước của Liên Hiệp Quốc về chống tham nhũng (United Nations Convention Against Corruption - viết tắt là: UNCAC)<sup>1</sup>.

Trước khi Công ước của Liên Hiệp Quốc về chống tham nhũng được thông qua, các quốc gia châu Mỹ, châu Âu, châu Phi đã cùng nhau thảo luận, thông qua công ước chống tham nhũng hoặc các tội phạm liên quan đến tham nhũng như: Công ước liên châu Mỹ về chống tham nhũng do Tổ chức các quốc gia châu Mỹ thông qua ngày 29 tháng 3 năm 1996; Công ước chống tham nhũng liên quan đến công chức của các nước châu Âu và công chức của các quốc gia thành viên trong Liên hiệp châu Âu do Hội đồng Liên hiệp châu Âu thông qua ngày 26 tháng 5 năm 1997; Công ước chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh do Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế thông qua ngày 21 tháng 11 năm 1977; Công ước luật hình sự về tham nhũng do Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu thông qua ngày 27 tháng 01 năm 1999; Công ước luật dân sự về tham nhũng do Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu thông qua ngày 4 tháng 11 năm 1999; Công ước của Liên minh các nước châu Phi về phòng, chống tham nhũng do các nguyên thủ quốc gia

---

<sup>1</sup> Công ước Liên Hợp Quốc phòng chống tham nhũng được thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2003, đến ngày 1 tháng 7 năm 2009, đã được 136 quốc gia trên thế giới phê chuẩn, tham gia. Ở Việt Nam, ngày 30/6/2009, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng.

Liên minh châu Phi thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2003.

Đấu tranh chống tham nhũng là một việc rất khó và phức tạp. Để cuộc đấu tranh chống tham nhũng đạt hiệu quả thì công việc đầu tiên được đặt ra là phải nhận diện được hành vi tham nhũng, nhận thức đúng hành vi tham nhũng. Nói một cách khác là cần phải có khái niệm tham nhũng thống nhất để dựa vào đó mỗi quốc gia có những quy định cụ thể về các hành vi tham nhũng, tội phạm về tham nhũng và thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng. Sự tương đồng trong nhận thức về hành vi tham nhũng còn cho phép các nước hợp tác có hiệu quả trong việc đấu tranh chống tham nhũng mà không làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia.

### Vậy, *Tham nhũng là gì?*

Trước khi các công ước về chống tham nhũng được thông qua, trên thế giới đã có nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế lớn bàn về đấu tranh chống tham nhũng như Hội nghị quốc tế lần thứ nhất về chống tham nhũng diễn ra tại Washington (Mỹ) năm 1983; Hội nghị quốc tế bàn về các biện pháp đấu tranh chống tham nhũng tại Bắc Kinh (Trung Quốc) năm 1995. Trong các hội nghị này khái niệm tham nhũng là vấn đề được đưa ra bàn thảo nhiều nhất.

Theo Ngân hàng Thế Giới (*World Bank*), tham nhũng là sự "*lạm dụng quyền lực công cộng nhằm lợi ích cá nhân*". Tổ chức Minh bạch Quốc tế (*Transparency International - TI*) cho rằng, tham nhũng là hành vi "*của người lạm dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc cố ý làm trái pháp luật để phục vụ cho lợi ích cá nhân*"<sup>1</sup>.

Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng là kết quả của nỗ lực đàm phán của nhiều quốc gia nhưng cũng không đưa ra định nghĩa về tham nhũng mà chỉ có một số điều khoản mô tả các loại hành vi tham nhũng đồng thời yêu cầu các quốc gia trong khuôn khổ luật pháp và điều kiện thực tế của mình có trách nhiệm xử lý nghiêm những hành vi tham nhũng như: hối lộ,

---

<sup>1</sup> Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: Tại địa chỉ [http://vi.wikipedia.org/wiki/Tham\\_nh%E5%A9ng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tham_nh%E5%A9ng)



tham ô, biến thủ công quỹ hoặc hành vi của công chức lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản, lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi...

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, là một biểu hiện của sự lợi dụng hay lạm dụng quyền lực nhà nước, vì vậy, nó gắn liền với quyền lực nhà nước và được thực hiện bởi chủ thể được nhà nước trao quyền. Ở các quốc gia khác nhau, biểu hiện của hành vi tham nhũng và quan niệm về tham nhũng cũng khác nhau. Trong một quốc gia thì ở các giai đoạn lịch sử khác nhau, điều kiện xã hội và các chủ thể mang quyền lực khác nhau thì hành vi tham nhũng cũng có những biểu hiện khác nhau. Vì vậy, việc đưa ra khái niệm hay định nghĩa hoàn chỉnh phản ánh đúng bản chất của hành vi tham nhũng và được chấp nhận rộng rãi là điều không đơn giản.

Theo quy định của Pháp lệnh chống tham nhũng của Việt Nam năm 1998 thì tham nhũng “là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức”<sup>1</sup>.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, khái niệm “tham nhũng” được hiểu: “là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”<sup>2</sup>.

Trong Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 và Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, khái niệm tham nhũng cũng được quy định khác nhau. Sự khác nhau trong hai khái niệm này không phải ở độ dài của câu chữ mà là ở nhận thức và quan niệm của nhà lập pháp về tham nhũng. Cũng giống như các nước khác trên thế giới, tham nhũng ở Việt Nam có biểu hiện rất đa dạng dưới nhiều hình thức khác nhau, trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Vì vậy việc mô tả, liệt kê những hành vi tham nhũng cùng với những đặc điểm cụ thể của nó là điều không thể và không cần thiết. Mặt khác việc mô tả tham nhũng bao

---

<sup>1</sup> Xem: Điều 1 Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998

<sup>2</sup> Xem thêm: Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005

gồm những hành vi A, hành vi B... sẽ dẫn đến tình trạng “bỏ lọt”, vì hành vi tham nhũng có biểu hiện rất đa dạng và trong nhiều lĩnh vực. Hơn nữa, các khái niệm pháp lý đòi hỏi phải có tính khái quát cao, phản ánh đầy đủ, chính xác về hiện tượng pháp lý cần quy định với ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu và dễ áp dụng. Từ những tiêu chí như vậy, chúng ta có thể thấy khái niệm tham nhũng được quy định trong Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 có tính khái quát cao hơn, phản ánh được đầy đủ hơn về tham nhũng - một tệ nạn xã hội đang có diễn biến rất phức tạp ở Việt Nam hiện nay.

Trong ngôn ngữ thông thường và ngôn ngữ luật pháp, khái niệm “tham nhũng” có thể được hiểu theo những cách khác nhau. Tuy nhiên, trên cơ sở quy định của pháp luật về tham nhũng, chúng ta có thể định nghĩa khái quát về tham nhũng như sau: *Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn sử dụng chức vụ quyền hạn của mình làm trái pháp luật để mưu cầu lợi ích riêng.*

Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng được quy định trong các văn bản pháp luật của Việt Nam hiện nay được hiểu là “tham nhũng trong khu vực công”. Hành vi tham nhũng luôn gắn với việc người có chức vụ, quyền hạn (trong các cơ quan, tổ chức), lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ mưu cầu lợi ích riêng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật phòng, chống tham nhũng: “*Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm: a) Cán bộ, công chức, viên chức; b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; c) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; d) Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó*”. Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Luật phòng, chống tham nhũng: “*Cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội,*

*đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước”.*

Như vậy, hành vi của người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân... (khu vực tư), lợi dụng chức vụ, quyền mưu cầu lợi ích cá nhân không bị coi là tham nhũng. Đây là điểm khác biệt trong quy định của pháp luật Việt Nam với Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng và pháp luật của một số nước. Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng tại Điều 21 quy định hành vi “*hối lộ trong khu vực tư*”;<sup>1</sup> Điều 22 quy định hành vi “*biên thủ tài sản trong khu vực tư*”.<sup>2</sup>

Pháp luật Việt Nam chưa quy định những hành vi này là tham nhũng. Hành vi hối lộ (đưa hối lộ, nhận hối lộ) phải gắn với dấu hiệu “chức vụ”, “quyền hạn”. Theo quy định của pháp luật Việt Nam từ trước đến nay, khi nói đến “chức vụ”, “quyền hạn” thường gắn với quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước ở Việt Nam thuộc về nhân dân, Nhà nước trao quyền này cho cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức thực thi để đảm bảo hoạt động của Nhà nước và lợi ích của nhân dân.<sup>3</sup> Như vậy, theo truyền thống, “hối lộ” chỉ có thể là hối lộ trong lĩnh vực công mà không có hối lộ trong lĩnh vực tư.

---

<sup>1</sup> Mỗi Quốc gia thành viên của Công ước xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định những hành vi sau là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý trong hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại:

(a) Hành vi hứa hẹn, tặng hay cho một lợi ích bất chính cho người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của chính người đó hay của người hoặc tổ chức khác, để người đó làm hoặc không làm việc gì vi phạm nhiệm vụ của mình;

(b) Hành vi đòi hoặc nhận trực tiếp hay gián tiếp lợi ích bất chính bởi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của bản thân người đó hay của người khác để làm hay không làm việc gì vi phạm nhiệm vụ của mình

<sup>2</sup> Mỗi quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm đối với hành vi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư biên thủ tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình, nếu hành vi biên thủ đó được thực hiện một cách cố ý trong quá trình hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại.

<sup>3</sup> - Điều thứ 1 Hiến pháp Việt Nam năm 1946 quy định: “*Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*”;

- Điều 2 Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013) quy định: “*1) Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2) ... tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3)...*”.

Mặt khác, xuất phát điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam những năm trước đây, “vấn đề hối lộ trong lĩnh vực tư” rất khó xảy ra. Hành vi hối lộ, đặc biệt là hành vi nhận hối lộ có liên quan đến dấu hiệu chức vụ, quyền hạn của người thực hiện hành vi này. Theo tiếng Việt “chức” được hiểu là *danh vị thể hiện cấp bậc, quyền hạn và trách nhiệm của một người trong hệ thống tổ chức của nhà nước hay đoàn thể*<sup>1</sup>, còn “quyền” là *điều do địa vị hay chức vụ mà được làm*<sup>2</sup>; “quyền hạn” là *quyền định đoạt và điều hành công việc*<sup>3</sup>. Như vậy, người có “chức vụ”, “quyền hạn” mà dùng chức vụ, quyền hành của mình “làm lợi” cho người khác thường chỉ là người trong bộ máy nhà nước. Lợi ích mà một người có thể được hưởng (trái pháp luật) từ hành vi sai trái, lạm quyền của người có chức vụ, quyền hạn thường chỉ có thể xuất phát từ sức mạnh của quyền lực nhà nước. Bởi vì, nguồn lực ở “khu vực tư” của xã hội Việt Nam những năm trước đây rất nhỏ bé. Đây là điểm khác biệt cơ bản của Việt Nam với nhiều nước trên thế giới nhất là các nước tư bản phát triển. Ở các nước tư bản, tiềm lực kinh tế trong xã hội chủ yếu nằm trong tay cá nhân, các tập đoàn, tổ chức kinh tế “phi nhà nước”. Các công ty, tập đoàn - doanh nghiệp thuộc “khu vực tư” có vai trò to lớn đối với đời sống xã hội tư bản. Khu vực tư trong nền kinh tế tư bản không chỉ là đối tượng được cung cấp các dịch vụ của nhà nước mà còn là đối tượng cung cấp các dịch vụ cho nhà nước. Các công ty tư nhân, các tập đoàn kinh tế có thể trở thành các “đối tác” lớn của nhà nước trong việc cung cấp các dịch vụ hành chính công, giao thông, xây dựng, giáo dục, y tế cho đến việc cung cấp vật tư, hàng hoá, phương tiện kỹ thuật cho an ninh, quốc phòng, cũng như hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung.

Để có được những hợp đồng cung cấp các dịch vụ cho nhà nước, nhà tư bản có thể phải thực hiện hành vi hối lộ các quan chức nhà nước để được quyền cung cấp dịch vụ (hối lộ trong lĩnh vực công); và ngược lại, trong việc

---

<sup>1</sup> Viện Ngôn ngữ, Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê (chủ biên), Nxb. Đà Nẵng, năm 2000 tr.191

<sup>2</sup> Viện Ngôn ngữ, Sđd tr.815

<sup>3</sup> Viện Ngôn ngữ, Sđd tr.815

mua sắm tài sản công... những người có chức vụ hoặc được nhà nước giao quyền có thể phải thực hiện hành vi hối lộ các ông chủ hoặc người có chức vụ trong các công ty để “giảm giá” hoặc “hợp thức” các hợp đồng, chứng từ... để có thể chiếm đoạt tài sản của nhà nước hay mưu cầu các lợi ích riêng - (hối lộ trong lĩnh vực tư)<sup>1</sup>.

Sự thay đổi lớn của các chính sách kinh tế, xã hội của Việt Nam trong những năm gần đây làm cho sự tăng trưởng, phát triển và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân ngày càng nhiều cho việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước cũng như hoạt động của bộ máy nhà nước. Bên cạnh đó các đơn vị, pháp nhân, cá nhân còn tham gia ngày càng nhiều vào việc thực hiện các dịch vụ công như công chứng (tư), giám sát, giám định, phiên dịch, cung cấp vật tư, hàng hoá (cho hoạt động mua sắm tài sản công)... Không ít trường hợp người có chức vụ quyền hạn, ông chủ của các doanh nghiệp “trong khu vực tư” nhận tiền, tài sản để làm những việc sai trái theo yêu cầu của người đưa tiền, tài sản. Để xác định đúng bản chất pháp lý cho các hành vi này thì việc nội luật hoá quy định tại Điều 21 Công ước, tức là bổ sung thêm hành vi “tham nhũng trong lĩnh vực tư” là rất cần thiết. Tuy nhiên điều cần lưu ý là: việc nội luật hoá đối với hành vi hối lộ, biển thủ trong khu vực tư phải được giới hạn đối với trường hợp mà hậu quả pháp lý của các hành vi này có liên quan đến việc công hoặc tài sản công.

## **1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng**

Theo cách hiểu thông thường trong tiếng Việt, cùng với quy định tại Điều 1 Luật phòng chống tham nhũng và khái niệm tham nhũng (đã trình bày ở trên), chúng ta có thể nhận thấy hành vi tham nhũng có các đặc điểm sau:

*Thứ nhất:* tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn.

Theo quy định tại Điều 1 Luật phòng, chống tham nhũng: “*Tham nhũng là hành vi... lợi dụng chức vụ, quyền hạn...*”. Điều này cho thấy chủ thể của

---

<sup>1</sup> Vấn đề này đã tồn tại trong xã hội Việt Nam nhưng nó chưa được thừa nhận là hối lộ trong lĩnh vực tư.

hành vi tham nhũng phải là người có chức vụ, quyền hạn. Bởi vì, chỉ khi “có chức vụ, quyền hạn” người ta mới có thể “lợi dụng chức vụ quyền hạn”. Chức vụ quyền hạn mà chủ thể của hành vi tham nhũng có được có thể do được bầu cử, do được bổ nhiệm, do hợp đồng... Chức vụ quyền hạn phải gắn với quyền lực nhà nước trong các lĩnh vực và các cơ quan khác nhau: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế Nhà nước hoặc lực lượng vũ trang nhân dân từ trung ương đến địa phương.

Đây là dấu hiệu để phân biệt hành vi tham nhũng với những hành vi vi phạm pháp luật khác tuy cũng có yếu tố vụ lợi nhưng không phải là tham nhũng vì nó được thực hiện bởi những người không có chức vụ, quyền hạn như hành vi trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, buôn lậu...

*Thứ hai:* khi thực hiện hành vi tham nhũng, người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình làm trái pháp luật để mưu lợi riêng. Người có hành vi tham nhũng sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình như một phương tiện để thực hiện hành vi trái pháp luật. Nếu không có chức vụ, quyền hạn đó họ sẽ không thể thực hiện được hoặc khó có thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để đáp ứng nhu cầu hưởng lợi (trái pháp luật) của bản thân. Ví dụ: nếu không phải là thủ kho thì A không thể hoặc khó có thể lấy được tài sản trong kho làm tài sản riêng của mình. Việc lợi dụng (sử dụng) chức vụ, quyền hạn là thủ kho trong trường hợp này đã giúp A đạt được mục đích hưởng lợi ích vật chất trái pháp luật. Đó chính là tham nhũng. Việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái pháp luật cũng là dấu hiệu đặc trưng của hành vi tham nhũng. Mặt khác, không phải khi nào người có chức vụ, quyền hạn làm trái pháp luật cũng có yếu tố lợi dụng chức vụ, quyền hạn. Người có chức vụ, quyền hạn nhưng khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lại không lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình thì hành vi vi phạm đó không phải là tham nhũng. Ví dụ, trường hợp một công chức có hành vi trộm cắp tài sản của người khác hoặc của cơ quan, tổ chức khác. Hành vi trộm cắp tài sản và chức

vụ của người đó không liên quan với nhau trong trường hợp này. Hành vi trộm cắp tài sản có thể được thực hiện bởi bất kỳ người nào không có chức vụ quyền hạn hoặc có chức vụ, quyền hạn nhưng chức vụ quyền hạn đó không liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài sản. Như vậy, dấu hiệu lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái pháp luật là một dấu hiệu không thể thiếu của hành vi tham nhũng.

*Thứ ba:* động cơ của người có hành vi tham nhũng là *vì vụ lợi*. Người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn - sử dụng trái pháp luật quyền hành mà nhà nước trao cho để mưu cầu lợi ích riêng. Hành vi của họ không xuất phát từ nhu cầu công việc hay trách nhiệm của người cán bộ, công chức mà vì lợi ích riêng (cá nhân hay đơn vị mình). Thiếu yếu tố vụ lợi thì hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn, làm trái công vụ của cán bộ công chức cũng không bị coi là “tham nhũng” nói chung hay tội phạm về tham nhũng nói riêng.

Hành vi lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ quyền hạn làm trái pháp luật mưu lợi riêng - tham nhũng đã xuất hiện và tồn tại trong xã hội từ rất sớm. Việc ban hành và áp dụng các văn bản pháp luật, đặc biệt là các văn bản pháp luật để xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng được coi là công cụ hữu hiệu trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở mỗi quốc gia.

Ở Việt Nam, nhà nước Việt Nam từ thời phong kiến đã rất quan tâm đến việc đấu tranh chống những hành vi lợi dụng, lạm dụng chức vụ quyền hạn mưu lợi cá nhân gây thiệt hại cho nhà nước và của người dân. Trong số các văn bản pháp luật của nhà nước phong kiến Việt Nam còn lưu lại đến ngày nay thì Quốc Triều Hình Luật (Luật Hình Thời Lê)<sup>1</sup> và Hoàng Việt Luật Lệ (Luật Hình Thời Nguyễn)<sup>2</sup> là hai bộ luật đồ sộ mà trong đó mỗi bộ luật đều có nhiều điều luật quy định xử lý các viên quan lợi dụng hay lạm dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân.

---

<sup>1</sup> Quốc Triều Hình Luật (Luật Hình Thời Lê), trong dân gian còn gọi là Luật Hồng Đức (vì được cho rằng Bộ luật được ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) bao gồm 6 quyển, 13 chương với 722 điều luật.

<sup>2</sup> Hoàng Việt Luật Lệ do Vua Gia Long ban hành năm 1812 bao gồm 398 điều luật

Trong bộ Quốc Triều Hình Luật, nhà làm luật không đặt tên tội danh, không quy định “tội tham nhũng” hay “tội phạm về tham nhũng” nhưng những hành vi tham nhũng (theo cách gọi hiện nay) đã được quy định trong nhiều điều luật. Ví dụ, khi quy định việc xử phạt, quan chủ ty “ăn tiền” để làm việc trái pháp luật thì “phải ghép vào tội ăn tiền mà xoá tội hay gán tội cho người ta trái sự thực” (Điều 137); hoặc “Quan ty làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ một quan đến 9 quan thì xử tội biếm hay bãi chức, từ 10 đến 19 quan thì xử tội đồ hay lưu, từ 20 quan trở lên thì xử chém...” (Điều 138); các hành vi lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái pháp luật như “sách nhiễu tiền của”, “những nhiễu”, “yêu sách lấy của dân” còn được quy định tại các Điều 184, 304, 326... của Quốc Triều Hình Luật<sup>1</sup>. Việc quy định xử lý những hành vi nêu trên cho thấy Nhà nước phong kiến Việt Nam có sự quan tâm rất lớn đến việc đấu tranh chống hành vi của quan lại lợi dụng chức quyền làm trái pháp luật xâm phạm lợi ích của nhà nước và lợi ích của công dân - tội phạm về tham nhũng (theo cách gọi của BLHS Việt Nam hiện nay).

Tương tự bộ Quốc Triều Hình Luật, trong bộ Hoàng Việt Luật Lệ thuật ngữ “tham nhũng” cũng chưa được sử dụng, nhưng trong bộ luật này cũng có nhiều điều luật quy định về hành vi của quan lại lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái pháp luật xâm phạm lợi ích của nhà nước hoặc của công dân như tội: nhận hối lộ (nhận đút lót); lợi dụng chức, quyền để chiếm đoạt của công; quan lại lợi dụng việc công để tự ý gom tài vật cho mình, quan lại, quân quân rút bớt tiền lương lính và đồ vua ban thưởng... (Điều 1, Điều 2, Điều 9 Quyển 17...)<sup>2</sup>.

Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đấu tranh chống tham nhũng - hành vi lợi dụng chức, quyền chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại cho nhà nước hoặc công dân. Bác Hồ từng nói: “*Tham ô, ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân, ăn*

1. Xem thêm: Viện sử học, *Quốc Triều Hình Luật* (Luật hình triều Lê), Nxb Pháp lý 1991

<sup>2</sup> Xem: Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Văn Tài (dịch), *Hoàng Việt Luật Lệ*, Tập V (bản dịch) Nxb. Văn hoá - Thông tin, H.1994, tr. 856 và các trang tiếp theo.



*bớt của bộ đội, tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung, của Chính phủ làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô... ”<sup>1</sup>. Hơn một năm sau khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập, ngày 27 tháng 11 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí ban hành Sắc lệnh số 223 quy định trừng trị các tội đưa, nhận hối lộ, phù lạm và biển thủ công quỹ. Đây là văn bản pháp luật hình sự đầu tiên quy định trừng trị một số tội phạm về tham nhũng (theo cách gọi hiện nay). Các tội được quy định trong Sắc lệnh này bao gồm: tội đưa hối lộ cho công chức, tội công chức nhận hối lộ, tội công chức phù lạm và tội công chức biển thủ công quỹ. Các tội tham ô tài sản, nhận hối lộ và các tội khác (có tính chất tham nhũng) tiếp tục được quy định trong các văn bản pháp luật hình sự có hiệu lực pháp lý cao như: Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa ngày 21 tháng 10 năm 1970; Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ ngày 20 tháng 5 năm 1981, BLHS năm 1985...*

Sự ra đời của Quyết định số 240-HĐBT ngày 26 tháng 6 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng, Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 và BLHS năm 1999, khái niệm “tham nhũng” chính thức được sử dụng. Tội phạm về tham nhũng chính thức được quy định trong các văn bản pháp luật của Nhà nước. Điều này thể hiện sự quan tâm đặc biệt của nhà nước Việt Nam đối với cuộc đấu tranh chống tham nhũng, răn đe mạnh mẽ đối với những hành vi tham nhũng, phát huy tinh thần tích cực, chủ động của cơ quan, tổ chức và trách nhiệm của mọi công dân trong cuộc đấu tranh chống tệ nạn xã hội tiêu cực và loại tội phạm nguy hiểm này.

### **1.3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng**

Mặc dù khái niệm tham nhũng đã được phân tích ở mục 1.1, các đặc điểm của hành vi tham nhũng đã được làm rõ tại mục 1.2 nhưng việc xác định hành vi cụ thể nào được coi là hành vi tham nhũng không đơn giản và có nhiều quan

---

1. Xem: Văn Viễn, *Bác Hồ nói về chống tham ô, lãng phí quan liêu*, website: Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam: [http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=30503&cn\\_id=240702](http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30503&cn_id=240702).

điểm khác nhau. Tham nhũng là hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính lịch sử, xuất hiện và tồn tại trong xã hội có nhà nước. Vì vậy, hành vi tham nhũng không chỉ được xác định dưới góc độ tội phạm (bị truy cứu trách nhiệm hình sự), bởi vì nếu chỉ dưới góc độ hẹp như vậy, thì việc xác định hành vi tham nhũng chưa phản ánh hết bản chất của tệ nạn tham nhũng. Hành vi tham nhũng cần được xác định dưới các góc độ là hành vi vi phạm đạo đức xã hội (bị xã hội lên án), vi phạm pháp luật nhà nước nói chung và là tội phạm (nếu đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm).

Ở Việt Nam, cho đến trước khi Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20 tháng 3 năm 1993 của TANDTC - VKSNDTC - Bộ nội vụ - Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số điều quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS thì chưa có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể hành vi nào được coi là hành vi tham nhũng. Thông tư số 02/TTLN ngày 20 tháng 3 năm 1993 (nói trên) chỉ nêu 11 loại hành vi phạm tội “có tính chất tham nhũng” cần được xử phạt nghiêm khắc<sup>1</sup>. Tiếp đó, theo quy định tại Luật số 57/L-CTN sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS được Quốc hội khoá IX thông qua tại kỳ họp ngày 10 tháng 5 năm 1997, các tội phạm tham nhũng bao gồm 11 tội danh trong đó có 9 tội danh được sửa đổi từ các quy định về tội cụ thể trong BLHS năm 1985 và 2 loại hành vi phạm tội mới được bổ sung (quy định mới)<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Theo Thông tư số 02/TTLN ngày 20 tháng 3 năm 1993, có 11 loại hành vi phạm tội “có tính chất tham nhũng” bao gồm: Tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 133); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa trong trường hợp người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn (điểm d khoản 2 Điều 134); Tội lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa trong trường hợp người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn (điểm d khoản 2 Điều 135); Tội sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa trong trường hợp người phạm tội có lợi dụng chức vụ quyền hạn (khoản 2 Điều 137); Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân (Điều 156); Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng trong trường hợp người phạm tội có vụ lợi hoặc động cơ cá nhân (điểm a khoản 2 Điều 174); Tội lập quỹ trái phép (Điều 175); Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn hoặc lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 221); Tội giả mạo trong công tác (Điều 224); Tội nhận hối lộ (Điều 226); Tội đưa hối lộ trong trường hợp người phạm tội sử dụng công quỹ để đưa hối lộ (điểm e khoản 2 Điều 227).

<sup>2</sup> Các tội phạm tham nhũng được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 57/L-CTN sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 10 tháng 5 năm 1997 bao gồm: Tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa - Điều 133; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa - Điều 134a; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa - Điều 137a; Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân - Điều 156; Tội lập quỹ trái phép - Điều 175; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ - Điều 221; Tội giả mạo trong công tác - Điều 224; Tội nhận hối lộ - Điều 226; Tội đưa hối lộ,

Từ các quy định của BLHS, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS, cùng các văn bản hướng dẫn áp dụng BLHS và yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng, ngày 26 tháng 02 năm 1998, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đã ban hành Pháp lệnh số 03/1998/PL-UBTVQH10 - Pháp lệnh chống tham nhũng. Theo pháp lệnh này, các hành vi tham nhũng bao gồm 11 loại hành vi<sup>1</sup>.

Sau gần 8 năm thực hiện Pháp lệnh chống tham nhũng, ngày 29 tháng 11 năm 2005, Quốc hội khoá XI, tại Kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật phòng, chống tham nhũng. Điều 3 Luật này trên cơ sở kế thừa và phát triển Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998, đã quy định 12 hành vi tham nhũng bao gồm: 1) *Tham ô tài sản*; 2) *Nhận hối lộ*; 3) *Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*; 4) *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi*; 5) *Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi*; 6) *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi*; 7) *Giả mạo trong công tác vì vụ lợi*; 8) *Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi*; 9) *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi*; 10) *Những nhiễu vì vụ lợi*; 11) *Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi*; 12) *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi*.

So với Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 có một số điểm mới sau đây:

---

tội làm môi giới hối lộ - Điều 227; Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ - Điều 221a; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi - Điều 228a)

<sup>1</sup> Điều 3: Các hành vi tham nhũng quy định trong Pháp lệnh này bao gồm: 1) Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa; 2). Nhận hối lộ; 3). Dùng tài sản xã hội chủ nghĩa làm của hối lộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đưa hối lộ, môi giới hối lộ; 4). Lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; 5). Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa; 6). Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của cá nhân; 7). Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ để vụ lợi; 8). Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ để vụ lợi; 9). Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để vụ lợi; 10). Lập quỹ trái phép để vụ lợi; 11). Giả mạo trong công tác để vụ lợi.

- Trong số 12 hành vi tham nhũng được quy định trong Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, có 8 loại hành vi được kế thừa từ các quy định trong Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998. Đứng đầu trong các hành vi tham nhũng là các hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản... Điều này thể hiện tính phổ biến, bản chất nguy hiểm, khó thay đổi của một số loại hành vi tham nhũng. Điều này còn cho thấy việc đấu tranh để bài trừ các hành vi tham nhũng là vấn đề khó khăn, phức tạp. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng là cuộc chiến lâu dài, dai dẳng và không phải chỉ là công việc của nhà nước, của cơ quan nhà nước mà đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực của mọi người dân trong xã hội.

- Theo Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, có 3 loại hành vi tham nhũng trong Pháp lệnh chống tham nhũng được loại bỏ<sup>1</sup> và 4 loại hành vi tham nhũng được quy định mới<sup>2</sup>. Điều này một mặt thể hiện sự thay đổi của các điều kiện kinh tế xã hội dẫn đến hành vi có tính nguy hiểm không cao hoặc tính phổ biến không lớn nên bị loại bỏ; đồng thời do sự chuyển biến của điều kiện kinh tế xã hội mà các hành vi tham nhũng mới cần được quy định để áp dụng các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh mạnh mẽ. Việc loại bỏ hành vi này, bổ sung hành vi kia còn thể hiện sự thay đổi trong nhận thức của nhà làm luật về hành vi tham nhũng. Các hành vi tham nhũng ngày càng được nhận thức đầy đủ và chính xác hơn. Việc nhận thức đúng, chính xác về các hành vi tham nhũng là yếu tố góp phần làm cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng được đúng người, đúng đối tượng và ngày càng đạt hiệu quả cao hơn<sup>3</sup>.

---

<sup>1</sup> Các hành vi đó là: 1) Dùng tài sản xã hội chủ nghĩa làm của hối lộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đưa hối lộ, môi giới hối lộ; 2) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; 3) Lập quỹ trái phép để vụ lợi;

<sup>2</sup> Các hành vi đó là: 1) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; 2) Nhường nhiều vì vụ lợi; 3) Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; 4) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

<sup>3</sup> Trên cơ sở 12 loại hành vi tham nhũng được quy định tại Điều 3 Luật phòng, chống tham nhũng 2005, Nghị định số 59/2013/NĐ-CP, ngày 17 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ đã hướng dẫn xác định đối với một số hành vi (trường hợp) tham nhũng cụ thể.

### **Đối với các tội phạm về tham nhũng:**

Theo quy định tại Mục A Chương XXI BLHS năm 1999, các tội phạm về tham nhũng bao gồm 7 tội danh: 1) *Tội tham ô tài sản (Điều 278)*; 2) *Tội nhận hối lộ (Điều 279)*; 3) *Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280)*; 4) *Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281)*; 5) *Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282)*; 6) *Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 283)*; 7) *Tội giả mạo trong công tác (Điều 284)*.

So với quy định về hành vi tham nhũng trong Luật phòng, chống tham nhũng (12 hành vi), các tội phạm về tham nhũng trong BLHS được quy định với ít tội danh hơn (7 tội danh cho 7 loại hành vi). Điều này làm cho các quy định về tội phạm tham nhũng trong BLHS “hình như còn thiếu” hoặc “chưa tương thích” với các quy định của Luật phòng chống tham nhũng mà cần sớm được sửa đổi bổ sung cho phù hợp? Ví dụ: hành vi những nhiều vì vụ lợi mà người có hành vi này đã thu lợi bất chính tài sản có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên...

Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung BLHS để cho “phù hợp” hay “tương thích” với quy định của Luật phòng, chống tham nhũng là không cần thiết. Bởi vì, ngoại trừ hành vi “*Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi*”, các hành vi tham nhũng khác có tính nguy hiểm cao đến mức cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, thì người thực hiện các hành vi này đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một trong các tội phạm về tham nhũng đã được quy định trong BLHS. Ví dụ: hành vi những nhiều vì vụ lợi mà người có hành vi này đã thu lợi bất chính tài sản có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên, thì người thực hiện hành vi này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nhận hối lộ với tình tiết định khung hình phạt tăng nặng “sách nhiễu” theo khoản 2 Điều 279 BLHS. Tương tự như vậy, hành vi *lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước*

vì vụ lợi có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 BLHS)*...

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là theo mô tả của các điều luật (về các tội cụ thể) trong BLHS, các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng được hiểu như sau:

### ***1.3.1. Tham ô tài sản***

*Tham ô tài sản là hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.*

Người có hành vi tham ô tài sản phải là người có chức vụ, quyền hạn hoặc có trách nhiệm trong việc quản lý tài sản. Người có hành vi tham ô tài sản đã lợi dụng (sử dụng) chức vụ, quyền hạn hay trách nhiệm quản lý tài sản như là phương tiện để chiếm đoạt tài sản được giao. Chức vụ, quyền hạn hay trách nhiệm quản lý tài sản làm cho người phạm tội có điều kiện tiếp cận và dễ dàng chiếm đoạt tài sản. Chức vụ, quyền hạn mà người tham ô tài sản có được có thể do bầu cử, do bổ nhiệm, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương. Dấu hiệu có chức vụ, quyền hạn của người tham ô tài sản phải gắn với việc quản lý (tài sản bị chiếm đoạt). Ví dụ, người thủ kho được giao quản lý kho hàng đã lợi dụng chức trách công tác chiếm đoạt tài sản trong kho (do mình quản lý); hoặc thủ trưởng cơ quan lợi dụng chức vụ (chủ tài khoản) chiếm đoạt tài sản của cơ quan; hoặc người lái xe được cơ quan giao nhiệm vụ vận chuyển (kiêm áp tải hàng) chiếm đoạt tài sản mình có trách nhiệm quản lý...

Các văn bản pháp luật hiện nay đều không quy định rõ, nhưng trên thực tế chỉ những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của nhà nước (hoặc tài sản của công ty liên doanh trong đó có phần vốn, tài sản của nhà nước hoặc tài sản của công dân nhưng cơ quan nhà nước đang tạm thời quản lý) mới bị coi là tham ô tài sản.

Theo quy định tại Điều 278 BLHS, người có hành vi tham ô tài sản bị coi là phạm tội tham ô tài sản nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng phải thuộc một trong các trường hợp:

- Gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc
- Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này, hoặc
- Đã bị kết án về một trong các tội quy định từ Điều 278 đến Điều 284 BLHS, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

Trường hợp người có chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới hai triệu đồng và không thuộc một trong ba trường hợp nêu trên thì đó chỉ là hành vi tham ô tài sản và người có hành vi này chỉ bị xử lý kỷ luật.

### ***1.3.2. Nhận hối lộ***

*Nhận hối lộ là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa tiền của.*

Hành vi nhận hối lộ có đặc điểm là:

- Chủ thể có sự lợi dụng chức vụ, quyền hạn để (giải quyết công việc nào đó);
- Hành vi nhận hối lộ có thể là đã nhận hoặc sẽ nhận (nhận trước hoặc sau khi làm một việc cho người đưa tiền của);
- Việc nhận hối lộ có thể là nhận trực tiếp hoặc qua trung gian (người môi giới);
- Của hối lộ phải là tiền, tài sản hoặc lợi ích có tính vật chất (như xây nhà, sửa nhà không phải trả công hoặc được nhận các dịch vụ không phải trả tiền...);
- Giữa người nhận và người đưa hối lộ phải có sự thoả thuận (để làm hay không làm một việc theo yêu cầu của người đưa tiền của). Việc

mà người đưa hối lộ và người nhận hối lộ thoả thuận làm có thể đúng pháp luật hoặc trái pháp luật.

Theo quy định tại Điều 279 BLHS, người có hành vi nhận hối lộ bị coi là tội phạm khi của hối lộ có giá trị từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng phải thuộc một trong các trường hợp:

- Gây hậu quả nghiêm trọng; hoặc
- Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; hoặc
- Đã bị kết án về một trong các tội quy định từ Điều 278 đến Điều 284 BLHS, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

Trường hợp giá trị tiền, tài sản (của hối lộ) dưới hai triệu đồng và không thuộc các trường hợp nêu trên, thì hành vi nhận hối lộ không cấu thành tội phạm. Hành vi nhận hối lộ trong trường hợp này chỉ là vi phạm và người nhận hối lộ chỉ bị xử lý kỷ luật.

### ***1.3.3. Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản***

*Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn đã (lạm dụng) vượt quá chức vụ, quyền hạn của mình chiếm đoạt tài sản của người khác.*

Ví dụ: người bác sĩ lạm dụng chức trách khám, kê đơn thuốc cho bệnh nhân đã kê “không” đơn thuốc để chiếm đoạt tiền của cơ quan bảo hiểm.

Theo quy định tại Điều 280 BLHS, hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai triệu đồng trở lên mới bị coi là tội phạm. Trường hợp lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị dưới hai triệu đồng chỉ bị coi là tội phạm nếu thuộc một trong các trường hợp:

- Gây hậu quả nghiêm trọng; hoặc
- Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này; hoặc
- Đã bị kết án về một trong các tội quy định từ Điều 278 đến Điều 284 BLHS, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.



Như vậy, trường hợp lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng không thuộc một trong ba trường hợp nêu trên thì người có hành vi không bị coi là tội phạm. Hành vi “tham nhũng” trong trường hợp này chỉ bị xử lý kỷ luật.

#### ***1.3.4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi***

*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn hay trách của mình làm trái công vụ để mưu cầu lợi ích riêng.*

Người có hành vi vi phạm đã sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình như một công cụ để thực hiện những việc nhất định nhằm thu lợi cho bản thân hoặc cho người, cơ quan, tổ chức mà họ quan tâm.

Trường hợp hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ (trong khi thi hành công vụ) gây thiệt hại cho lợi ích của nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm) thì người thực hiện hành vi này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 BLHS)*.

#### ***1.3.5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi***

*Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn vì mưu cầu lợi ích cho mình hoặc cho người khác đã vượt quá chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ.*

Trường hợp hành vi lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm) thì người thực hiện hành vi này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282 BLHS)*.

### **1.3.6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi**

*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm.*

Trường hợp người lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì người thực hiện hành vi này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi (Điều 283 BLHS)*.

### **1.3.7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi**

*Giả mạo trong công tác vì vụ lợi là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu hoặc làm, cấp giấy tờ giả hoặc giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn.*

Tuỳ theo mức độ của sự vi phạm mà người có hành vi giả mạo trong công tác có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội giả mạo trong công tác (Điều 284 BLHS)*.

### **1.3.8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi**

*Đưa hối lộ là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi mà trực tiếp hoặc qua trung gian đã hoặc sẽ đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào có giá*

*trị dưới 2 triệu đồng cho người có chức vụ quyền hạn để người đó làm hoặc không làm một việc cho mình (cá nhân, cơ quan, đơn vị hoặc địa phương mình).*

Trường hợp đưa hối lộ mà của hối lộ có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp: gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần thì người có hành vi đưa hối lộ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội đưa hối lộ (Điều 289 BLHS)*.

*Môi giới hối lộ là hành vi của người (trung gian) theo yêu cầu của người đưa hối lộ hoặc người nhận hối lộ tạo điều kiện cho việc thoả thuận hối lộ giữa hai bên hoặc giúp sức thực hiện sự thoả thuận hối lộ giữa hai bên.*

Ví dụ: Hành vi tổ chức cho người đưa và người nhận hối lộ gặp nhau để họ thoả thuận về công việc cần phải làm hay số tiền, tài sản (của hối lộ) hoặc nhận tiền, tài sản từ người đưa rồi chuyển giao cho người nhận hối lộ...

Hành vi môi giới hối lộ mà của hối lộ có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp: gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần thì người có hành vi môi giới hối lộ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội làm môi giới hối lộ (Điều 290 BLHS)*.

### ***1.3.9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi***

*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi mà khai thác giá trị sử dụng của tài sản của Nhà nước một cách trái phép (không được phép hoặc trái quy định).*

Hành vi sử dụng trái phép tài sản của nhà nước có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì người thực hiện hành vi (có chức vụ quyền hạn) có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 BLHS)*.

### **1.3.10. Những nhiều vì vụ lợi**

*Những nhiều vì vụ lợi là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn gây khó khăn, yêu sách, đòi hỏi về tiền bạc, của cải đối với người khác trong quan hệ công tác của mình nhằm hưởng lợi bất chính.*

Hành vi những nhiều để nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nhận hối lộ theo Điều 279 BLHS nếu thuộc một trong các trường hợp: a) gây hậu quả nghiêm trọng; b) đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; c) đã bị kết án về một trong các tội quy định từ Điều 278 đến Điều 284 BLHS, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

### **1.3.11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi**

*Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi mà không thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.*

Trường hợp người có hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định từ Điều 278 đến Điều 284 BLHS, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì họ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội nhận hối lộ (Điều 279 BLHS)*.

Trường hợp không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì lợi ích cá nhân khác (không phải là tiền, tài sản, lợi ích vật chất) như lợi ích tinh thần, “lấy lòng” cấp trên hoặc người khác... nếu thoả mãn dấu hiệu gây thiệt hại (đáng kể) cho lợi ích của nhà nước, tổ chức, công dân thì người có hành vi có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 BLHS)*.

**1.3.12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi**

*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan*

*nhà nước, tổ chức xã hội vì vụ lợi đã che giấu, bỏ qua hành vi vi phạm pháp luật của người khác.*

*Cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi là hành vi của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội vì vụ lợi mà ngăn cản, gây khó khăn, làm trì hoãn hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan tư pháp.*

Trường hợp chủ thể thực hiện hành vi nói trên gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân thì tùy theo mức độ hành vi vi phạm cũng như mức độ của hậu quả thiệt hại đã gây ra mà người thực hiện hành vi nói trên có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về *tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 BLHS)*.

## PHẦN II

### NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC HẠI CỦA THAM NHŨNG

#### 2.1. Nguyên nhân của tham nhũng

##### 2.1.1. Những hạn chế trong chính sách, pháp luật

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng đến nay, nền kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang dần hình thành và phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của mọi người trong xã hội đang dần được nâng cao. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được thì nước ta vẫn còn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách trong đó có sự hạn chế trong việc thực thi các chính sách cũng như hạn chế của hệ thống pháp luật.

- Hạn chế trong việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước

Thời gian qua, Đảng và nhà nước đã có nhiều chính sách phát triển kinh tế, nâng cao phúc lợi xã hội. Những chính sách này đã thể hiện bản chất tốt đẹp của xã hội ta. Tuy nhiên, việc thực thi các chính sách này vẫn còn nhiều hạn chế. Thực tế triển khai các chính sách như đền bù, trợ giá, vay ưu đãi, chính sách lãi suất, chính sách hỗ trợ cho người nghèo, chính sách tái định cư, ... còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng, công khai, minh bạch khiến cho những người thuộc đối tượng chính sách khó tiếp cận với các nguồn hỗ trợ của nhà nước, của xã hội, nếu không có sự “môi giới” của người khác. Đây chính là các rào cản mà muốn vượt qua, các đối tượng cần phải có những “thỏa thuận”, “chi phí” nhất định. Hơn nữa, nhiều cán bộ, công chức, viên chức đã lợi dụng những kẽ hở trong thực thi các chính sách để phục vụ cho các lợi ích của bản thân và gia đình. Một số trường hợp cán bộ còn làm giả hồ sơ, khai khống số lượng thuộc diện chính sách để tham ô tài sản của Nhà nước.

Nước ta đang trong tiến trình hội nhập với nền kinh tế thế giới, thực hiện những cam kết của tổ chức thương mại thế giới (WTO) về tự do hóa và

mở cửa thị trường nhưng một số lĩnh vực kinh doanh vẫn thực hiện chính sách độc quyền. Chính sách bao cấp, bảo hộ, độc quyền, cơ chế “xin-cho” không chỉ làm giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế mà còn tạo ra môi trường thuận lợi cho tham nhũng gia tăng. Để được hưởng sự “bao cấp”, “bảo hộ”, nhất là trường hợp không thuộc diện được bao cấp, bảo hộ, doanh nghiệp thường phải tốn những “khoản phí” nhất định. Bên cạnh đó, chính sách tiền lương không đủ đảm bảo đời sống đã làm cho một số cán bộ, công chức, viên chức sách nhiễu, gây khó khăn khi thực thi nhiệm vụ để đòi hối lộ.

- Hạn chế về pháp luật

Thời gian qua, cơ quan lập pháp nước ta đã cố gắng hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo khung pháp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của nền kinh tế-xã hội, tạo kẽ hở cho tham nhũng gia tăng. Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá: *“cơ chế, chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, còn nhiều sơ hở, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung”*. Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ cũng chỉ rõ *“nguyên nhân chủ yếu”* của tình hình tham nhũng là *“hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ”*. Những hạn chế về pháp luật thể hiện ở các điểm sau:

+ *Sự thiếu hoàn thiện của hệ thống pháp luật*

Trong hệ thống pháp luật nước ta, vẫn còn rất nhiều lĩnh vực đời sống xã hội chưa được pháp luật điều chỉnh, tạo sơ hở cho các hành vi vi phạm pháp luật trong đó có hành vi tham nhũng gia tăng. Những “khoảng trống” trong hệ thống pháp luật trước hết phải kể đến là vấn đề tham nhũng trong lĩnh vực tư nhân. Khoản 1 Điều 12 của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng quy định: *“Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ thực hiện các biện pháp để*

*phòng ngừa tham nhũng liên quan đến khu vực tư*”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, Điều 21 và điều 22 của Công ước cũng quy định các trường hợp đưa hối lộ và tham ô trong khu vực tư nhân. Trên cơ sở này, pháp luật của nhiều quốc gia thành viên đã điều chỉnh vấn đề tham nhũng trong khu vực tư nhân. Ví dụ, Điều 299 BLHS của Cộng hòa liên bang Đức quy định tội “Nhận và đưa hối lộ trong giao dịch kinh doanh” để điều chỉnh hành vi đưa và nhận hối lộ trong khu vực tư.<sup>2</sup> Tuy nhiên hiện nay, vấn đề này chưa được hệ thống pháp luật Việt Nam điều chỉnh.

Mặt khác, chúng ta vẫn chưa xây dựng được Luật bảo vệ và trợ giúp nạn nhân của tội phạm. Trên thế giới, các bộ luật về bảo vệ và trợ giúp cho nạn nhân của tội phạm rất được chú trọng. Năm 1982, Mỹ đã ban hành Luật bảo vệ nạn nhân và nhân chứng (The Victim and Witness Protection Act of 1982). Tiếp đó, hàng loạt quốc gia khác cũng ban hành bộ luật bảo vệ và trợ giúp cho nạn nhân của tội phạm. Các bộ luật này đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc không chỉ bảo vệ tốt quyền lợi của nạn nhân và nhân chứng mà còn khuyến khích họ tham gia tố giác tội phạm, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan tư pháp hình sự trong đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, nhất là các tội phạm về tham nhũng.

Ngoài những lĩnh vực kể trên, pháp luật điều chỉnh một số lĩnh vực khác như lĩnh vực chống độc quyền, lĩnh vực quản lý tài sản công... cũng còn nhiều bất cập đã tạo ra những kẽ hở cho tham nhũng gia tăng.

+ *Sự chồng chéo, mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật*

Sự mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định của pháp luật thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật. Ví dụ, trong khi tội nhận hối lộ (Điều 279 BLHS) được quy định là tội phạm về tham nhũng thì tội đưa hối lộ (Điều 289 BLHS) và tội làm môi giới hối lộ (Điều 290 BLHS) lại không được quy định là các tội phạm

---

<sup>1</sup> Nguyên văn “Each State Party shall take measures, in accordance with the fundamental principles of its domestic law, to prevent corruption involving the private sector, enhance accounting and auditing standards in the private sector and, where appropriate, provide effective, proportionate and dissuasive civil, administrative or criminal penalties for failure to comply with such measures”.

<sup>2</sup> Xem: Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức (Bản dịch), Nxb. CAND, H.2011, tr.466.



về tham nhũng. Khoản 8 Điều 3 Luật phòng, chống tham nhũng quy định nhóm hành vi “*Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi*” là các hành vi tham nhũng. Các quy định trên cho thấy, giữa BLHS và Luật phòng, chống tham nhũng có sự không thống nhất. Pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới đều quy định đưa hối lộ là hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng. Việc chúng ta không quy định “đưa hối lộ” và “môi giới hối lộ” là các tội phạm về tham nhũng là chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tham nhũng.

+ *Sự bất cập, thiếu minh bạch và kém khả thi trong nhiều quy định của pháp luật*

Nhiều quy định của pháp luật, nhất là các quy định trong quản lý tài sản công, quản lý tài chính, đất đai, nhà cửa, xây dựng, đấu thầu, cạnh tranh, cấp phát vốn đầu tư, cổ phần hóa... còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng, chưa công khai, minh bạch. Đây là kẽ hở để một số người (trong các cơ quan áp dụng pháp luật) tìm cách sách nhiễu, gây khó khăn khi thực thi công vụ, nhiệm vụ để đòi hối lộ. Thêm vào đó, nhiều văn bản luật đã ban hành từ lâu nhưng thiếu các văn bản hướng dẫn khiến cho việc áp dụng trên thực tế không thống nhất, tạo ra sự tùy tiện. Điều đó dễ làm phát sinh các hành vi tiêu cực, lợi dụng các kẽ hở trong các quy định của pháp luật để làm lợi cho một số ít người trong xã hội.

### ***2.1.2. Những hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế và trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội***

Những hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế cũng như trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội cũng là những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy sự gia tăng của tham nhũng.

- Hạn chế trong quản lý và điều hành nền kinh tế

Thực hiện đường lối của Đảng chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường, nền kinh tế nước ta đã và đang đạt được những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, do cơ chế quản lý mới được xây dựng theo

cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa theo kịp với trình độ phát triển của nền kinh tế nên đã tạo ra những sơ hở, bất cập. Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích: “*Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói chung, của bộ máy nhà nước nói riêng, còn nhiều khuyết điểm, chất lượng và hiệu quả chưa cao; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan, tổ chức chưa được xác định rõ ràng, cụ thể, còn trùng lặp hoặc bị phân tán*”. Những hạn chế, bất cập đó được thể hiện ở những điểm sau:

+ *Hạn chế trong việc phân công trách nhiệm, quyền hạn giữa các chủ thể quản lí*

Quyền hạn, trách nhiệm giữa các chủ thể quản lí trong xã hội còn mâu thuẫn, chồng chéo, đặc biệt là trong quản lí tài sản công, dẫn đến tính chịu trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức không cao. Tài sản của Nhà nước được giao cho một số người có quyền hành rất lớn, nhưng chế độ trách nhiệm lại không rõ ràng. Bên cạnh đó, những công cụ phục vụ cho quá trình quản lí, điều hành nền kinh tế, quản lí tài sản công như kiểm kê, kiểm toán, kiểm soát, giám sát, thanh tra... lại chưa được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Đây chính là những yếu tố thuận lợi để nhiều cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng để tham ô, biến tài sản công thành tài sản riêng, sử dụng tài sản công trái mục đích, thậm chí trái pháp luật.

+ *Hạn chế trong việc công khai, minh bạch hóa các cơ chế quản lí kinh tế*

Những cơ chế quản lí kinh tế như cơ chế cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản; cơ chế cấp hạn ngạch xuất, nhập khẩu, đặc biệt là xuất nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu, quan trọng; cơ chế đấu thầu; cơ chế cấp giấy phép; cơ chế duyệt dự án... vẫn chưa được thực sự công khai, minh bạch dẫn đến những hành vi lợi dụng để sách nhiễu, gây khó khăn, đòi hỏi lộ cũng như đưa hối lộ để được cấp kinh phí, để được cấp các giấy phép xuất nhập khẩu, để giành được các hợp đồng xây dựng hay cung cấp trang thiết bị...

+ *Chính sách quản lí, điều hành kinh tế của Nhà nước còn chưa thực sự hợp lí*

Sự can thiệp quá sâu của cơ quan Nhà nước vào nền kinh tế thông qua các chính sách “điều tiết” thị trường (tức là cấm đoán, hạn chế các chủ thể kinh tế không được hoạt động, kinh doanh trong một số lĩnh vực, chỉ cho phép một số chủ thể nhất định được hoạt động) sẽ tạo cơ hội cho tham nhũng. Ví dụ, trong việc cấp phép xuất, nhập khẩu, chỉ những công ty được cấp phép mới được xuất, nhập khẩu một số loại hàng hóa nào đó và chỉ với số lượng cụ thể theo giấy phép. Điều đó đã tạo ra sự khan hiếm trên thị trường. Lượng cung, cầu không được tính toán theo chi phí cận biên của các nhà sản xuất, nhập khẩu mà được áp đặt bằng mệnh lệnh hành chính. Kết quả là, giá cả bị đẩy lên cao do cung nhỏ hơn cầu. Khi đó số tiền người mua phải trả khi mua hàng hóa sẽ cao hơn nhiều so với chi phí sản xuất, nhập khẩu. Khoản chênh lệch này một phần được dùng làm của hồi lộ để được cấp phép nhập khẩu, một phần sẽ thuộc về người đưa hồi lộ.

- Hạn chế trong cải cách hành chính

Ngày 17 tháng 9 năm 2001 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010. Chương trình này là nhằm *"loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho dân"*. Tiếp đó, Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đã đề ra chủ trương gắn cải cách hành chính với việc thực hiện cơ chế "một cửa" trong các thủ tục hành chính đối với những lĩnh vực bức xúc, liên quan trực tiếp tới người dân và doanh nghiệp, như đất đai, xây dựng, hộ tịch, hộ khẩu, đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, hải quan, thuế, kho bạc, xuất nhập khẩu v.v.. Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 4 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế "một cửa" tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đã tạo ra một cách thức giải quyết công việc

hiệu quả cho công dân, tổ chức, đã thể chế hóa mối quan hệ giữa chính quyền và người dân thông qua việc thực hiện cơ chế "một cửa". Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế "một cửa liên thông" đã quy định nhiều nội dung mới có tính hoàn thiện hơn nhằm thay đổi phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở địa phương, giảm phiền hà, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đem lại lợi ích cho người dân và doanh nghiệp.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã quyết liệt thực hiện cải cách hành chính và bước đầu đã đạt được những thành công nhất định. Tuy nhiên, cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế - xã hội. Do ảnh hưởng nặng nề của cơ chế kinh tế cũ nên các thủ tục hành chính tuy đã được rà soát và loại bỏ một phần nhưng vẫn còn rất phức tạp, rườm rà, gây nhiều khó khăn, bất cập cho người dân và doanh nghiệp. Việc điều hành, quản lý nền kinh tế còn nhiều bất cập, lỏng lẻo, yếu kém, nhất là cơ chế xét cấp phát vốn đầu tư, vốn vay ODA, các thủ tục như thủ tục vay vốn, đăng kí kinh doanh, cấp phép... còn rườm rà, phức tạp. Bên cạnh đó, những thủ tục hành chính còn kéo dài, làm cho những người không có thời gian, hoặc những người muốn có kết quả nhanh chóng buộc phải đưa hối lộ.

Những bất cập, hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế cũng như trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội cũng là một trong các nhóm yếu tố làm gia tăng tệ tham nhũng ở Việt Nam trong những năm gần đây.

### ***2.1.3. Những hạn chế trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng***

- Hạn chế trong việc khuyến khích tố giác hành vi tham nhũng

Khoản 1 điều 4 Luật phòng chống tham nhũng đã quy định: “*Mọi hành vi tham nhũng đều phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh*”. Việc phát hiện hành vi tham nhũng ở nước ta hiện nay còn rất hạn chế.

Hành vi tham nhũng chủ yếu được phát hiện thông qua việc tố giác của cán bộ, công chức, viên chức và thông qua các công cụ phát hiện tham nhũng. Tuy nhiên, cả hai hình thức này hiện nay đều còn nhiều hạn chế.

Tham nhũng là hành vi do các cán bộ, công chức thực hiện. Do đó, việc phát hiện các hành vi tham nhũng rất khó khăn. Chúng ta chưa có một cơ chế khuyến khích có hiệu quả việc tố cáo, tố giác hành vi tham nhũng, đặc biệt là cơ chế bảo cho những người tố cáo hành vi tham nhũng. Thông thường, những người tố cáo hành vi tham nhũng là những nhân viên hoặc cấp dưới của người có hành vi tham nhũng. Vì vậy rất nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức biết rõ hành vi tham nhũng của cấp trên nhưng không dám tố cáo vì sợ bị trù dập, sợ bị trả thù. Điều 38 Luật phòng, chống tham nhũng quy định nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi phát hiện dấu hiệu tham nhũng phải báo cáo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp. Tuy nhiên do sợ bị trả thù nên nhiều người không dám tố cáo. Khoản 2 Điều 10 Luật phòng, chống tham nhũng quy định nghiêm cấm các hành vi “*đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng*”. Tuy nhiên, luật lại không quy định cụ thể cơ chế xử lý đối với các hành vi vi phạm thuộc loại này. Mặt khác, luật cũng không quy định cụ thể trách nhiệm trong việc bảo vệ cũng như đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức đã tố cáo hành vi tham nhũng của thủ trưởng mình. Nghị định số 107/2006/NĐ-CP quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Quy định này tuy làm tăng trách nhiệm của người đứng đầu trong đấu tranh phòng chống tham nhũng nhưng lại tạo tâm lý muốn che giấu, giải quyết nội bộ tham nhũng vì những vụ tham nhũng trong cơ quan nếu bị xử lý thì người đứng đầu cũng phải chịu trách nhiệm và bị xử lý tùy theo tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi tham nhũng.

Phân tích trên cho thấy chúng ta chưa có cơ chế bảo vệ hữu hiệu cũng như khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tố cáo, tố giác hành vi tham nhũng. Điều này làm hạn chế đáng kể việc phát hiện tham nhũng đồng thời tạo điều kiện cho tham nhũng gia tăng.

- Hạn chế trong hoạt động của các cơ quan phát hiện tham nhũng

Hiện nay hoạt động của các cơ quan phát hiện tham nhũng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Tham nhũng chủ yếu được phát hiện thông việc sử dụng các công cụ thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán. Tuy nhiên, hoạt động của các cơ quan này vẫn còn nhiều hạn chế thể hiện ở các điểm sau:

+ Các cơ quan, tổ chức có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán chưa phát huy triệt để vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của mình trong phát hiện tham nhũng. Hệ thống tổ chức, phương thức thanh tra, kiểm tra, giám sát còn chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu và sự phát triển đa dạng, phức tạp của đời sống xã hội cũng như các hành vi tham nhũng. Đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng cũng như trình độ, năng lực, bản lĩnh chính trị.

+ Theo cơ chế tổ chức của nền hành chính hiện nay, các tổ chức thanh tra nhà nước ở các cấp, các ngành gần như phụ thuộc vào cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp. Vì vậy, thanh tra nhà nước chưa thực sự độc lập trong hoạt động của mình. Điều này đã làm hạn chế đáng kể nhiệm vụ của thanh tra là phát hiện tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

+ Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán đối với các cơ quan nhà nước để phát hiện tham nhũng chưa được tiến hành thường xuyên và toàn diện dẫn đến hiệu quả của việc phát hiện tham nhũng còn hạn chế.

- Hạn chế trong hoạt động của các cơ quan tư pháp hình sự

Công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng vẫn còn hạn chế. Tỷ lệ phát hiện các vụ án tham nhũng chưa cao, vẫn còn hiện

tượng bỏ lọt tội phạm, chuyển từ xử lý hình sự sang xử lý hành chính hay xử lý kỉ luật. Việc xử lý các vụ án tham nhũng còn có những biểu hiện thiếu quyết tâm, ngại xử lý. Quá trình giải quyết vụ án còn chậm, gây nhiều bức xúc trong nhân dân. Một số vụ án tham nhũng nghiêm trọng nhưng hoạt động điều tra, truy tố và xét xử kéo dài, hiệu quả xử lý thấp; còn bỏ lọt các hành vi tham nhũng. Hình phạt áp dụng cho những người có hành vi tham nhũng còn chưa nghiêm khắc, chưa đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Những quy định trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng còn những điểm chưa rõ ràng, minh bạch dẫn đến các hiện tượng hối lộ cán bộ, công chức trong các cơ quan bảo vệ pháp luật để được xử lý hành chính, được kết luận điều tra có lợi, được truy tố với tội danh và khung hình phạt nhẹ hơn, được xét xử với hình phạt nhẹ hơn hoặc được hưởng án treo. Hiện tượng đưa hối lộ để thu hồi tài sản là đối tượng của tội phạm trả cho người bị hại, đưa hối lộ để cưỡng chế thi hành án... vẫn xảy ra.

- Hạn chế trong hoạt động của các cơ quan truyền thông

Trong cuộc chiến chống tham nhũng, truyền thông giữ một vai trò rất quan trọng. Khoản 4 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí năm 1999 quy định báo chí có nhiệm vụ “*Phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác*”. Thời gian qua, các cơ quan truyền thông đã phát hiện và cung cấp thông tin giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật phát hiện được nhiều vụ án tham nhũng. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động này vẫn còn rất khiêm tốn. Truyền thông, báo chí nước ta hiện mới chỉ tập trung thực hiện nhiệm vụ giám sát và đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng chứ ít thực hiện việc điều tra về các vụ việc, các hành vi và các cá nhân tham nhũng. Hơn nữa thời lượng và các chuyên mục của truyền thông dành cho việc chống tham nhũng còn quá ít, chưa tạo ra một dư luận rộng rãi để

tăng cường hiệu quả hoạt động phòng, chống tham nhũng. Đây là một hạn chế của báo chí và truyền thông nước ta hiện nay.

- Hạn chế trong việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, tổ chức trong phòng, chống tham nhũng

Trong hoạt động chống tham nhũng, nhiều cơ quan, tổ chức chưa nhận thức đúng tính chất và tầm quan trọng của hoạt động phòng, chống tham nhũng. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng làm gia tăng tệ nạn tham nhũng. Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu: *“Nhiều tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính nghiêm trọng, sự nguy hại của tệ tham nhũng, lãng phí, nên lãnh đạo không chặt chẽ, thiếu kiểm tra, đôn đốc, thậm chí còn nể nang, né tránh, dung túng, bao che cho tham nhũng, lãng phí”*. Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 cũng đánh giá, một trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng tham nhũng hiện nay ở nước ta là do *“việc tổ chức thực hiện các chủ trương, giải pháp về phòng, chống tham nhũng được đề ra trong những năm qua vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, hiệu quả chưa cao, đặc biệt là thiếu một chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng tổng thể, dài hạn”*. Chính sự nể nang, né tránh, bao che, dung túng cho tham nhũng của những người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã làm cho tình hình tham nhũng thêm trầm trọng. Chúng ta chưa huy động được sức mạnh của tất cả các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị vào hoạt động phòng, chống tham nhũng. Hiện nay vẫn còn thiếu một cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan Nhà nước với các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong hoạt động phòng, chống tham nhũng. Điều này làm giảm hiệu quả hoạt động phòng, chống tham nhũng đồng thời làm cho hành vi tham nhũng phát sinh mà không bị ngăn chặn.



#### **2.1.4. Những hạn chế trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, công chức cũng như trong hoạt động bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ**

- Sự xuống cấp về đạo đức, phẩm chất của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức

Do nền kinh tế kế hoạch đã tồn tại rất lâu ở nước ta, nên nhiều cán bộ, công chức, viên chức nước ta vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của các tư tưởng, tâm lý tiêu cực của thời kì quan liêu, bao cấp. Nhiều người vẫn duy trì những thái độ tiêu cực như hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu gây khó khăn cho người dân, kéo dài thời hạn... Điều này đã làm cho một bộ phận người dân ngại tiếp xúc, ngại làm việc trực tiếp mà thường sử dụng những hình thức tiêu cực như đưa hối lộ, thông qua môi giới hối lộ để giải quyết công việc. “Văn hóa phong bì”, vấn đề ăn chia lợi ích, trích tỷ lệ phần trăm... cũng đang ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động đúng đắn của cán bộ, công chức, viên chức làm gia tăng tình trạng tham nhũng. Những lĩnh vực liên quan đến tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư... như cấp phát vốn, duyệt dự án đầu tư, cấp giấy phép, duyệt hạn ngạch... đều xuất hiện các tình trạng những nhiều đòi hối lộ. Nếu không đưa hối lộ thì công việc sẽ bị gây khó khăn, mất thời gian, doanh nghiệp sẽ mất đi cơ hội tốt để làm ăn.

Bên cạnh đó, sự xuống cấp về đạo đức, nhân cách của một bộ phận cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức cũng làm gia tăng tệ tham nhũng. Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá: “*Công tác cán bộ nói chung và việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nói riêng còn nhiều yếu kém. Một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp, còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức; chưa đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm*”. Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 cũng nhận định, một trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình

trạng tham nhũng hiện nay ở nước ta là do “*một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tính chuyên nghiệp, ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống còn thấp*”. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống thể hiện trước hết ở tư tưởng hưởng thụ, quá coi trọng đồng tiền, tư tưởng vụ lợi, làm giàu bất chính... Do ảnh hưởng của những tâm lí này mà một số cán bộ, đảng viên đã lợi dụng công việc, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để sách nhiễu, đòi hỏi lộ, tham ô tài sản, đặc biệt là những cán bộ công tác trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, cấp phát vốn, thanh tra, kiểm toán cũng như các lĩnh vực có liên quan đến nguồn vốn ngân sách hay vốn tài trợ, vốn vay ưu đãi hay cấp giấy phép...

- Hạn chế trong công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ

Công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ thời gian qua đã có nhiều đổi mới nhưng nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn chưa thực hiện tốt. Tư tưởng cục bộ, địa phương, bè phái trong công tác bổ nhiệm cán bộ vẫn còn tồn tại cũng làm gia tăng tệ tham nhũng. Vẫn còn tình trạng chỉ lựa chọn, bổ nhiệm những cán bộ cùng quê, cùng bè phái để từ đó hình thành các đường dây tham nhũng khép kín, vô hiệu hóa cơ chế kiểm soát, thanh tra nội bộ. Những vụ án tham nhũng lớn thời gian qua đã cho thấy rõ điều đó. Việc luân chuyển cán bộ cũng chưa được thực hiện tốt, nhiều khi còn phản tác dụng. Nhiều trường hợp các cán bộ, công chức, viên chức tích cực tố cáo tham nhũng thì bị luân chuyển công tác, còn những người tham nhũng cùng bè phái, bị tố cáo thì không những không bị luân chuyển công tác mà còn được bổ nhiệm chức vụ cao hơn.

Những nguyên nhân tham nhũng xuất phát từ hạn chế trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, công chức, viên chức và công tác cán bộ được xác định là một trong những nguyên nhân cơ bản.

### ***2.1.5 Những hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tham nhũng***

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tham nhũng thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế như sau:

#### - Về phạm vi thực hiện

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng ở nhiều nơi mới chỉ được thực hiện trong nội bộ các cơ quan, tổ chức, đơn vị, chưa được tiến hành sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy, hiểu biết của người dân nói chung về nguyên nhân, tác hại của tham nhũng cũng như các biện pháp phòng, chống tham nhũng chưa được cải thiện. Nhiều người dân chưa hiểu rõ quyền và nghĩa vụ trong phòng, chống tham nhũng, đặc biệt là chưa hiểu rõ cơ chế bảo vệ người tố cáo tham nhũng. Vì vậy, chúng ta chưa huy động được sức mạnh của toàn thể nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố cáo tham nhũng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tham nhũng.

#### - Về hình thức tuyên truyền

Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phòng, chống tham nhũng còn khá đơn điệu, chủ yếu thực hiện bằng hình thức báo cáo viên phổ biến, giải thích cho người nghe. Hình thức này tuy ít tốn kém, nhưng hiệu quả chưa cao do sự đơn điệu cũng như tính thiếu sâu sát, cụ thể dẫn đến sự nhầm lẫn, khó hiểu, khó tiếp thu. Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 đã quy định rất nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhưng nhiều hình thức quy định trong luật này vẫn chưa hoặc rất ít được vận dụng trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phòng, chống tham nhũng như tư vấn về phòng, chống tham nhũng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phòng, chống tham nhũng thông qua loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động, niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư; thi tìm hiểu pháp luật phòng, chống tham nhũng; lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phòng, chống tham nhũng trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của các cơ quan, tổ chức, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật...

Bên cạnh đó thời lượng tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về phòng, chống tham nhũng còn rất hạn chế, chưa được thực hiện một cách tự giác, thường xuyên, liên tục, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đời sống xã hội.

## - Về nội dung tuyên truyền

Nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng còn chưa được biên soạn cho thực sự phù hợp với các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội. Điều đó tạo ra sự nhầm lẫn, khó hiểu, khó tiếp thu đối với nhiều đối tượng, như nông dân, công nhân, cựu chiến binh, đồng bào dân tộc... làm cho việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhiều khi trở thành hình thức, không đạt được hiệu quả mong muốn.

Các nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng còn đơn điệu, nặng về lý thuyết, nặng về trình bày quy định của các điều luật mà thiếu những nội dung sáng tạo, sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu nên hiệu quả của hoạt động này còn rất hạn chế. Các nội dung tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng chưa được quan tâm nhiều trong việc chuyển thể thành các hình thức tuyên truyền sinh động, hấp dẫn như kịch, p-nô, áp-phích, tranh cổ động, video, phim ảnh... nên chưa lôi cuốn được mọi tầng lớp trong xã hội tích cực tìm hiểu, hưởng ứng và tham gia các hoạt động phòng, chống tham nhũng.

## **2.2. Tác hại của Tham nhũng**

### ***2.2.1. Tác hại về chính trị***

Tham nhũng trước hết gây ra những thiệt hại to lớn về lĩnh vực chính trị của đất nước. Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ đã nhận định: *“tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý Nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội, làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo. Tham nhũng trở thành vật cản lớn cho thành công của công cuộc đổi mới, cho sức chiến đấu của Đảng, đe dọa sự tồn vong của chế độ.”* Tham nhũng tạo ra những rào

cản, cản trở việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước bị các cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng phục vụ cho các mục đích cá nhân đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển chung của đất nước. Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với người nghèo, đối với vùng đồng bào dân tộc ít người, chính sách đối với thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng... Tuy nhiên những chính sách này thời gian qua đã bị một số cán bộ, đảng viên lợi dụng để tham ô, chiếm đoạt tài sản. Các chính sách về trợ giá, đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu công nghiệp, hỗ trợ hoạt động xuất, nhập khẩu... cũng bị một số cán bộ, công chức lợi dụng phục vụ cho lợi ích của cá nhân. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến việc thực hiện những chính sách của Đảng và Nhà nước trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mà còn gây thiệt hại không nhỏ đến tài sản của Nhà nước, gây bất bình trong nhân dân. Tham nhũng vì vậy làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào bộ máy Nhà nước, làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào đội ngũ cán bộ, đảng viên, gây bức xúc trong nhân dân và dư luận xấu trong xã hội.

Tham nhũng cũng làm ảnh hưởng đến uy tín của quốc gia trên trường quốc tế. Tham nhũng làm giảm lòng tin của các nhà tài trợ khi mà nguồn viện trợ cho các dự án, nguồn hỗ trợ cũng như sự ủng hộ của các quốc gia cho nước ta bị thất thoát nhiều, làm cho hiệu quả đạt được của các nguồn tài chính, tín dụng này là rất thấp. Trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, tham nhũng làm mất lòng tin, gây nản chí các nhà đầu tư nước ngoài khi họ gặp phải nhiều khó khăn, những phiền từ việc xin giấy phép thành lập doanh nghiệp đến quá trình hoạt động cũng như tiêu thụ sản phẩm. Tham nhũng ảnh hưởng xấu đến những chính sách tốt đẹp của Đảng và Nhà nước về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng các chính sách của Đảng và Nhà nước để tạo ra những đặc quyền, đặc lợi của mình và gia đình. Ví dụ, một số cán bộ, công chức đã làm giả hồ sơ để được hưởng các chính sách dành cho thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo, các hộ ở vùng sâu vùng xa, nạn nhân của thiên tai hoặc để được hưởng

các chính sách cử tuyển đi học, xét tuyển công chức, viên chức... Điều này đã gây ra những ảnh hưởng xấu trong đời sống chính trị của xã hội, gây ra sự bất bình trong nhân dân, gây ảnh hưởng đến việc thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

### **2.2.2. Tác hại về kinh tế**

Bên cạnh các thiệt hại về chính trị, tham nhũng cũng gây ra những thiệt hại to lớn về mặt kinh tế cho Nhà nước và xã hội. Theo đánh giá của Văn phòng Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm (UNODC) và Ngân hàng Thế giới (WB), nạn tham nhũng đã gây thiệt hại cho các nước đang phát triển tới 1,6 nghìn tỷ USD mỗi năm.<sup>1</sup> Những thiệt hại về kinh tế mà tham nhũng gây ra cho nước ta có thể kể đến là:

- Tham nhũng làm thất thoát những khoản tiền lớn trong xây dựng cơ bản do phải chi phí cho việc đấu thầu, việc cấp vốn, việc thanh tra, kiểm toán và hàng loạt các chi phí tiêu cực khác. Mặt khác do tham nhũng mà một số lượng lớn tài sản của Nhà nước bị thất thoát do các hành vi tham ô, lợi dụng, lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt... Trong năm 2010, qua thanh tra, các cơ quan chức năng đã phát hiện nhiều sai phạm trong lĩnh vực đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng tài sản công, kiến nghị thu hồi 8.152,6 tỷ đồng và 2.108,5 ha đất.<sup>2</sup> Một số cá nhân, tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư bằng vốn ngân sách không nhằm mang lại lợi ích cho Nhà nước, cho xã hội mà chỉ nhằm mưu cầu lợi ích cho cá nhân. Vì lợi ích cá nhân của mình hay của một nhóm người, một số doanh nghiệp đã đầu tư mua, nhập khẩu những dây chuyền sản xuất, máy móc, thiết bị, phương tiện, tàu thủy rất lạc hậu, cũ nát không thể sử dụng được do công nghệ đã quá cũ hoặc tiêu tốn quá nhiều nhiên liệu hoặc thải ra quá nhiều các chất độc hại, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước hàng ngàn tỷ đồng.

---

<sup>1</sup> Nguồn: <http://www.vietnamplus.vn/Home/The-gioi-thiet-hai-hon-2600-ty-USD-do-tham-nhung/201012/71167.vnplus>.

<sup>2</sup> Nguồn: <http://www.vietnamplus.vn/Home/Phien-hop-thu-35-cua-UBTVQH-ve-chong-tham-nhung/20109/62161.vnplus>.

- Tham nhũng gây tổn thất lớn cho nguồn thu của ngân sách nhà nước thông qua thuế. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Tuy nhiên do tệ tham nhũng, hối lộ mà một số doanh nghiệp chỉ phải nộp khoản thuế ít hơn nhiều so với khoản thuế thực tế phải nộp. Điều này đã làm thất thoát một lượng tiền rất lớn hàng năm cho ngân sách nhà nước. Hối lộ cũng dẫn đến những thất thoát lớn cho ngân sách nhà nước trong việc hoàn thuế, xét miễn giảm thuế, các khoản thu phí, lệ phí, tiền phạt...

- Tham nhũng, nhất là hành vi tham ô tài sản đã làm cho một số lượng lớn tài sản công trở thành tài sản tư của một số cán bộ, công chức, viên chức. Trong một số cơ quan, tổ chức đã hình thành các đường dây tham ô hàng tỷ, thậm chí hàng trăm tỷ đồng của Nhà nước.

Tham nhũng gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho các công trình xây dựng. Do tham nhũng mà một số công trình xây dựng như các công trình cầu đường, nhà cửa kém chất lượng. Điều này không chỉ làm thất thoát tài sản quốc gia mà còn gây nguy hiểm đáng kể, đe dọa cuộc sống của người dân khi sử dụng các công trình này, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Tham nhũng gây ảnh hưởng lớn đến môi trường kinh doanh, làm giảm đáng kể năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, làm chậm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Ngân hàng Thế giới (WB) ước tính tham nhũng khiến chi phí của các doanh nghiệp toàn cầu tăng 10%, trong khi chi phí giao dịch tại các nước đang phát triển tăng thêm tới 25%. Số tiền tham nhũng của quan chức trên toàn thế giới mỗi năm lên tới hơn 1.000 tỷ USD.<sup>1</sup> Do tệ nạn tham nhũng mà nhiều doanh nghiệp tuy không có đủ thực lực và uy tín nhưng nhờ “hối lộ” mà vẫn giành được những hợp đồng kinh tế lớn. Điều đó không chỉ làm mất lòng tin của các doanh nghiệp làm ăn chính đáng, cạnh tranh lành mạnh mà còn dẫn đến nhiều hậu quả xấu khác như

---

<sup>1</sup>Nguồn: <http://www.vietnamplus.vn/Home/The-gioi-thiet-hai-hon-2600-ty-USD-do-tham-nhung/201012/71167.vnplus>.

chất lượng công trình kém, làm suy thoái phẩm chất của một số cán bộ, công chức, viên chức, làm mất lòng tin của các nhà đầu tư, gây nguy hiểm cho cuộc sống người dân...

Hành vi sách nhiễu, gây khó khăn, đòi hỏi lộ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn gây thiệt hại đến tài sản của người dân do họ phải đưa hối lộ khi liên quan đến các thủ tục hành chính. Mặt khác thủ tục hành chính bị kéo dài đã gây mất thời gian, tiền của của người dân, làm đình trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

### **2.2.3. Tác hại về xã hội**

Tham nhũng làm ảnh hưởng đến các giá trị, các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, làm xuống cấp đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Tham nhũng đã làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên coi thường các giá trị đạo đức, coi thường các chuẩn mực của pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn... để đòi hỏi lộ. Một số người sẵn sàng làm trái lương tâm, trái đạo đức, xâm phạm nghĩa vụ nghề nghiệp cũng như vi phạm pháp luật vì những khoản tiền hối lộ. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã khẳng định, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ do Đại hội X đề ra chưa đạt được, trong đó có “*tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi.*”

Tham nhũng làm xáo trộn trật tự xã hội. Khi những cán bộ, đảng viên thay mặt Đảng, Nhà nước thực thi công vụ mà tham nhũng, nhận hối lộ thì lúc đó, hoạt động của họ không còn phục vụ cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của công dân mà chủ yếu phục vụ cho lợi ích của họ và một số ít người đưa hối lộ. Điều này gây ra những ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Ngày nay tham nhũng không chỉ xảy ra đối với một số lĩnh vực liên quan đến tài chính, tiền tệ, đầu tư xây dựng cơ bản, đất đai, nhà cửa mà tham nhũng đã xảy ra ở nhiều lĩnh vực của đời sống



xã hội, gây ra những hậu quả xấu, làm cản trở sự phát triển lành mạnh của đất nước. Đặc biệt, khi tham nhũng xảy ra trong các lĩnh vực, ngành nghề được xã hội tôn kính như giáo dục, y tế, văn hóa... thì hành vi tham nhũng còn xâm hại nghiêm trọng đến các giá trị đạo đức, xã hội truyền thống, gây ra những hậu quả xấu, tác động không nhỏ đến hệ tư tưởng trong xã hội.

Tóm lại, tham nhũng gây ra những hậu quả nghiêm trọng về chính trị, kinh tế và xã hội; gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển mọi mặt của nền kinh tế - xã hội. Tham nhũng làm xuống cấp đạo đức một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, gây bất bình trong dư luận xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng và Nhà nước.

**PHẦN III**  
**Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG**  
**CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

**3.1. Phòng, chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền**

Lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam và thế giới cho thấy, nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi triều đại phong kiến này bằng triều đại phong kiến khác, chế độ phong kiến bằng chế độ tư bản là bởi sự “mục nát” của triều đại phong kiến trước đó hoặc của chế độ phong kiến ở giai đoạn suy tàn. Sự “mục nát”, “suy tàn” của chế độ xã hội được thể hiện ở sự yếu kém trong điều hành, quản lý xã hội của nhà nước, sự tha hoá, biến chất của quan chức và bộ máy nhà nước. Điều đó được biểu hiện trước hết bằng sự tha hoá đạo đức, lối sống hưởng lạc, vô trách nhiệm, thiếu kỷ cương, những nhiễu nhương của tầng lớp quan chức từ trung ương đến địa phương. Nói cách khác, sự yếu kém, trì trệ không theo kịp sự phát triển của xã hội trong hoạt động quản lý, điều hành xã hội của nhà nước phong kiến đã tạo cơ hội thuận lợi cho quan liêu, tham nhũng phát sinh, phát triển và đến lượt nó, quan liêu, tham nhũng lại làm suy yếu, mục ruỗng nhà nước phong kiến, tạo tiền đề cho sự ra đời của một triều đại khác hoặc một chế độ xã hội tiến bộ, được lòng dân hơn.

Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ra đời là thành quả của cuộc cách mạng nhân dân vĩ đại do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Cùng với việc xây dựng nhà nước kiểu mới, đồng thời để có thể xây dựng được nhà nước kiểu mới - Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, toàn Đảng và toàn dân ta phải tiến hành đấu tranh với các tệ nạn, tiêu cực xã hội trong đó có các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng - tàn dư của chế độ cũ nhưng đã tiềm ẩn, phát sinh trong chế độ mới. Bác Hồ từng nói: “*Tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu*

*xa của chế độ cũ*”.<sup>1</sup> Đấu tranh chống tham nhũng là cuộc đấu tranh gian khó, lâu dài nhưng cần thiết và phải thực hiện cho được bởi một chế độ dân chủ, vững mạnh, một xã hội tốt đẹp trong đó các giá trị công bằng, dân chủ và đạo đức xã hội được đề cao thì các tệ nạn xã hội và tội phạm trong đó có tham nhũng phải bị đẩy lùi và loại bỏ. Sự thiếu kiên quyết hoặc né tránh trong đấu tranh chống tham nhũng sẽ là cơ hội tốt để tham nhũng phát sinh, phát triển và điều đó sẽ đe dọa sự tồn vong của chế độ, phá hoại thành quả cách mạng của nhân dân. Nhìn nhận từ khía cạnh nào đó có thể thấy “tham nhũng” chính là “quốc nạn” của đất nước, là kẻ thù của nhân dân ta. Bác Hồ từng nói: *“Tham ô là trộm cướp... Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội, của Chính phủ. Kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng mà nó nằm trong tổ chức của ta để làm hỏng công việc của ta. Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ “giặc ở trong lòng”*.”<sup>2</sup>

Hoạt động phòng, chống tham nhũng luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm đặc biệt. Trong những năm gần đây, hoạt động phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên kết quả của hoạt động này còn chưa được như mong muốn. Tham nhũng vẫn được coi là “quốc nạn” của đất nước, là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nghị quyết số 14 ngày 15 tháng 5 năm 1996 của Bộ chính trị về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng đã nhận định: Tình trạng tham nhũng đã và đang gây ra hậu quả hết sức nghiêm trọng, làm xói mòn bản chất của Đảng và Nhà nước, làm tha hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên, tiếp tay cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá ta, uy hiếp sự tồn vong của chế độ.<sup>3</sup> Trong chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, Chính phủ nhận định: *“Tham nhũng trở thành vật cản lớn cho thành công của công cuộc đổi mới, cho sức chiến đấu của Đảng, đe dọa sự*

---

<sup>1</sup> Xem: Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 6, Nxb CTQG. H.1995, Tr.494.

<sup>2</sup> Xem: Hồ Chí Minh toàn tập, *Đạo đức cách mạng*. (Tháng 12/1958), Tập 9, Nxb CTQG. H.1995, Tr.291.

<sup>3</sup> Xem: Ban nội chính trung ương, Một số văn bản của Đảng về phòng chống tham nhũng. Nxb. CTQG, H.2005. Tr.04-205.

*tồn vong của chế độ*”.<sup>1</sup> Như vậy, phòng, chống tham nhũng không chỉ có mục đích đơn thuần là làm giảm tình hình vi phạm pháp luật nói chung, tội phạm nói riêng mà nó còn có ý nghĩa quan trọng bảo vệ sự vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Do đó, phòng, chống tham nhũng cần được xem như là một nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện nay.

### **3.2. Phòng, chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân**

Thiệt hại vật chất do tham nhũng gây ra không chỉ là số lượng tài sản rất lớn của Nhà nước, tập thể và công dân bị các đối tượng tham nhũng chiếm đoạt mà còn bao gồm cả những thiệt hại vật chất do các đối tượng này làm thất thoát hoặc gây lãng phí.

Những thiệt hại vật chất do các vụ tham nhũng gây ra là rất lớn, có vụ thiệt hại vật chất lên đến hàng ngàn tỷ đồng. Nếu so sánh với mức thu ngân sách hàng năm của đất nước, mức chi hàng năm cho y tế, giáo dục hoặc cho an sinh xã hội, xoá đói, giảm nghèo... thì càng thấy rõ mức độ nghiêm trọng của những thiệt hại vật chất do tham nhũng gây ra. Tham nhũng làm hao tổn lớn nguồn lực kinh tế của quốc gia, làm chậm nhịp tăng trưởng của nền kinh tế, làm cho nền kinh tế đất nước rơi vào tình trạng tụt hậu ngày càng xa so với các nước trong khu vực và thế giới. Mặt khác, tham nhũng còn làm cho người dân bị thiệt hại về kinh tế thông qua việc “buộc phải đưa hối lộ”, phải trả thêm tiền khi mua hàng hoá, thanh toán dịch vụ... vì giá cả hàng hoá, dịch vụ đã được cộng thêm các khoản chi phí, “tiêu cực phí”... của các nhà sản xuất, cung ứng dịch vụ. Tham nhũng làm tăng thêm gánh nặng về kinh tế đối với người dân trong điều kiện kinh tế vốn đã rất khó khăn. Tham nhũng còn làm cho sự chênh lệch về tài sản, sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội ngày càng tăng. Các lợi ích kinh tế trong xã hội không được phân chia hợp lý; nguồn lực kinh tế của

---

<sup>1</sup> Xem: Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ

xã hội không được sử dụng hợp lí cho việc thoả mãn nhu cầu hưởng thụ cũng như tái sản xuất của cải vật chất của xã hội. Điều này không chỉ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế mà còn làm tiềm ẩn nguy cơ mâu thuẫn, bất ổn trong xã hội.

Vì vậy, để phát triển kinh tế nhanh và vững chắc, đồng thời không ngừng nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần cho nhân dân cần thực hiện các biện pháp cần thiết để phòng ngừa và đấu tranh không khoan nhượng với tham nhũng. Việc tích cực phòng, chống tham nhũng có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với việc phát triển, tăng trưởng nền kinh tế mà còn có ý nghĩa to lớn, góp phần quan trọng trong việc cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

### **3.3. Phòng, chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội**

Với đặc điểm đặc trưng là được thực hiện bởi những người có chức vụ, quyền hạn và với mục đích vụ lợi, các hành vi tham nhũng không chỉ gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế, tài sản cho nhà nước và xã hội mà nó còn làm tổn hại nghiêm trọng đến các giá trị đạo đức truyền thống, “làm vẩn đục” các quan hệ xã hội. Sự thiếu gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật của người có chức vụ, quyền hạn; sự tham lam, vụ lợi, “thu vén” cho lợi ích cá nhân của người có chức vụ quyền hạn; sự tha hoá nhân cách, lợi dụng, lạm dụng quyền hành làm trái pháp luật, chiếm đoạt tài sản của người có chức vụ quyền hạn - sự tham nhũng đã làm cho các giá trị đạo đức truyền thống bị chà đạp nghiêm trọng. Các giá trị đạo đức truyền thống của xã hội, của dân tộc như lòng nhân ái, đức hy sinh, tinh thần tương thân tương ái... không những không được đề cao mà ngày càng mai một. Tư tưởng coi trọng quyền lực và đồng tiền (quá mức) đã làm cho nhiều người (có chức vụ, quyền hạn) thiếu trách nhiệm đối với nhà nước và xã hội, thờ ơ vô cảm với đồng loại, thậm chí hống hách, tàn bạo, coi thường kỷ cương, vi phạm pháp luật. Điều này có tác động xấu rất lớn đối với xã hội, làm méo mó các quan hệ xã hội, làm băng hoại các giá trị đạo

đức truyền thống của dân tộc đồng thời cổ vũ cho sự tham lam, ích kỷ, lối sống sa hoa truy lạc và những thói hư tật xấu khác trong xã hội phát sinh, phát triển.

Trong những năm gần đây, xã hội, lối sống, đạo đức truyền thống của người Việt Nam bị tấn công mạnh mẽ và bị biến đổi ở mức độ đáng báo động. Một trong các yếu tố làm cho các giá trị đạo đức và truyền thống tốt đẹp bị tấn công, xâm hại chính là tệ nạn tham nhũng. Những hành vi trước đây vốn bị cả cộng đồng lên án, bị coi là xấu, đáng lên án mạnh mẽ như “ăn cắp của công”, “đút lót”, “hối lộ”,... nay đã trở thành hiện tượng khá phổ biến trong xã hội. Các cụm từ như “văn hoá phong bì”, “chạy dự án”, “chạy chức”, “chạy tội”... đã không còn xa lạ mà xảy ra nhiều, được nói đến nhiều trong xã hội. Tham nhũng đã và đang tấn công mạnh mẽ sang cả những lĩnh vực vốn được cả xã hội tôn vinh, kính trọng là y tế và giáo dục. Nhiều cán bộ có chức, có quyền không chỉ “rút ruột” các công trình nhà nước phục vụ dân sinh hay sản xuất mà cả những công trình dành để tôn vinh các anh hùng liệt sỹ hay ăn chặn tiền, lương thực, thực phẩm mà người dân cả nước với đạo lý “lá lành đùm lá rách” quyên góp để ủng hộ đồng bào các vùng bị thiên tai, bão lũ, ủng hộ người nghèo...

Để bảo vệ xã hội, bảo tồn và phát triển các giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống thì Nhà nước, mỗi người dân và toàn xã hội cần đồng lòng, chung sức đấu tranh không khoan nhượng với các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng. Việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng chính là hoạt động góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống và làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

### **3.4. Phòng, chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ và pháp luật**

Nạn tham nhũng ở Việt Nam thời gian qua diễn ra rất nghiêm trọng và điều đó đã gây ra những thiệt hại lớn về cả kinh tế và xã hội cũng như làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và pháp luật. Ban chấp

hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam nhận định: “*Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta*”.<sup>1</sup> Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cũng đánh giá: “*Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt được yêu cầu đề ra. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, gây bức xúc xã hội*”.

Mặc dù tham nhũng diễn ra rất nghiêm trọng, thậm chí có trường hợp công khai, trắng trợn nhưng nhiều người dân cảm thấy bất lực, không dám và không muốn đấu tranh. Điều đó khiến cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng vốn đã khó khăn càng thêm khó khăn. Nguyên nhân của thực tế nêu trên có nhiều nhưng chủ yếu là bởi sự yếu kém trong quản lý, điều hành xã hội nói chung, chỉ đạo, triển khai cuộc đấu tranh chống tham nhũng nói riêng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, nhiệm vụ làm trong sạch bộ máy, tăng cường sức mạnh cho bộ máy nhà nước mà chủ yếu thông qua con đường đấu tranh không khoan nhượng với nạn tham nhũng cần được thực hiện một cách quyết liệt. Chỉ có như vậy mới loại bỏ được hành vi tham nhũng, mới khôi phục được niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và pháp luật.

Như vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng là một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của chế độ, hạnh phúc của nhân dân và tương lai của dân tộc. Đây là cuộc chiến đầy gian khó và phức tạp nhằm chống lại những thói hư, tật xấu đang tiềm ẩn trong mỗi cán bộ, công chức, viên chức - những người được nhà nước và nhân dân trao quyền ở các cơ quan từ trung ương đến địa phương. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng chỉ có thể giành được thắng lợi như mong muốn khi có sự kiên quyết trong chỉ

---

<sup>1</sup> Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*.

đạo của cấp uỷ Đảng, của chính quyền cũng như sự hưởng ứng, tham gia tích cực của mỗi công dân. Ngoài ra, cần lưu ý rằng, hai thành tố hợp thành nội dung của cuộc đấu tranh này là phòng và chống tham nhũng. Việc “phòng” và “chống” tham nhũng là hai hoạt động khác nhau nhưng có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Phương châm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta là lấy phòng ngừa là chính nhưng đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng. Để phòng ngừa tham nhũng, các cơ quan, tổ chức cần thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục cán bộ, công chức, viên chức không vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, cổ vũ động viên mọi tầng lớp nhân dân phát hiện, tố giác hành vi tham nhũng. Trong phạm vi quyền hạn của mình, các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải thường xuyên nhắc nhở, giáo dục cán bộ đồng thời xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, bảo vệ người tố giác... Điều đó góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng và đồng thời củng cố lòng tin của cán bộ, công chức cũng như của toàn dân đối với cơ quan, tổ chức và pháp luật.



**PHẦN IV**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN**  
**TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Cùng với cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân có vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng là nội dung được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, trong hoạt động phòng, chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân không chỉ được quy định trong Luật phòng, chống tham nhũng mà còn được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng chống tham nhũng; Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9 tháng 3 năm 2007 về minh bạch tài sản, thu nhập; Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng;<sup>1</sup> Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, về minh bạch tài sản, thu nhập.<sup>2</sup> Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2013 quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao...

---

<sup>1</sup> Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2013, thay thế Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng

<sup>2</sup> Nghị định này thay thế Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9 tháng 3 năm 2007 về minh bạch tài sản, thu nhập.

Công dân có môi trường làm việc, công tác và địa vị xã hội khác nhau cũng có trách nhiệm khác nhau trong phòng, chống tham nhũng. Theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng có thể được xác định với tiêu chí là: trách nhiệm của công dân (bình thường) và trách nhiệm của (công dân là) cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng.

#### **4.1. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng**

Việc phòng, chống tham nhũng không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội mà còn là trách nhiệm của mỗi công dân.

Theo quy định tại Điều 6 Luật phòng chống tham nhũng, Điều 24 Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ (cũng như quy định trong các văn bản khác nêu trên), trách của công dân trong phòng, chống tham nhũng bao gồm các nội dung sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- Lên án, đấu tranh với những người có hành vi tham nhũng;
- Phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng;
- Hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh, xử lý hành vi tham nhũng;
- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- Góp ý kiến xây dựng pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

##### ***4.1.1. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về phòng, chống tham nhũng***

Trách nhiệm phòng, chống tham nhũng của công dân được thể hiện trước hết bằng việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Tham nhũng là hiện tượng xã hội luôn tiềm ẩn trong mỗi con người, nhất là những người có chức vụ, quyền hạn - “người có quyền lực”. Khi đã có

quyền lực, con người thường có xu hướng lạm dụng quyền lực để thoả mãn nhu cầu cá nhân, mưu cầu lợi ích riêng. Vì vậy, việc phòng, chống tham nhũng đòi hỏi mỗi người, nhất là người có chức vụ quyền hạn phải luôn “giữ mình” để bản thân không lạm dụng quyền lực, vi phạm pháp luật hay có hành vi tham nhũng, đồng thời mỗi người (có chức vụ, quyền hạn cũng như không có chức vụ, quyền hạn) còn phải có trách nhiệm vận động, giáo dục người thân trong gia đình chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nói chung, pháp luật về phòng, chống tham nhũng nói riêng để không cho hành vi tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hay địa phương mình. Đây là yêu cầu quan trọng đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng của công dân. Mỗi công dân cũng như người thân của họ không có hành vi tham nhũng thì đã góp phần hạn chế, giảm bớt các hành vi tham nhũng. Đặc biệt, khi có ý thức tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng, công dân sẽ có nhận thức, tình cảm đúng đắn trong việc lên án, tố giác, đấu tranh với các hành vi tham nhũng.

#### ***4.1.2. Lên án, đấu tranh với những hành vi tham nhũng***

Đối với mỗi công dân, ngoài việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về phòng, chống tham nhũng thì họ còn phải có thái độ phê phán, lên án mạnh mẽ hành vi tham nhũng. Bằng hành động cụ thể của mình, trong công việc cũng như trong cuộc sống khi phát hiện hành vi tham nhũng, công dân cần chủ động nhắc nhở, phê bình, lên án người có hành vi tham nhũng, kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với các hành vi tham nhũng. Việc nhắc nhở, phê bình có tác dụng uốn nắn những hành vi sai trái, vụ lợi của người khác từ đó ngăn ngừa hành vi tham nhũng. Việc phê phán, lên án các hành vi tham nhũng có tác dụng cảnh báo đồng thời tạo dư luận phản ứng mạnh mẽ của cộng đồng đối với hành vi tham nhũng từ đó răn đe các hành vi tham nhũng. Việc phê phán, lên án hành vi tham nhũng còn nhằm tỏ rõ thái độ đấu tranh không dung thứ, không khoan nhượng với hành vi tham nhũng. Tất cả những việc làm này của công dân có ý nghĩa quan trọng đối với việc phòng ngừa tham nhũng ngay tại cơ

quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình qua đó có ý nghĩa quan trọng đối với việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng nói chung.

#### **4.1.3. Phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng**

Công dân được nhà nước và pháp luật trao quyền đồng thời quy định trách nhiệm trong việc góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, phòng ngừa, đấu tranh chống vi phạm pháp luật và tội phạm, trong đó có hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng. Trách nhiệm phòng, chống tham nhũng của công dân còn được thể hiện bằng việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng.

Thông qua việc giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức và bằng thông tin thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, khi biết có hành vi tham nhũng, đặc biệt là hành vi tham nhũng có tính nguy hiểm cao, công dân có quyền tố cáo hành vi này trước cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật. Việc phát hiện và tố cáo hành vi tham nhũng là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của công dân. Điều 64 Luật phòng, chống tham nhũng quy định: “*Công dân có quyền tố cáo hành vi tham nhũng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền*”.

Việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng của công dân được thực hiện dưới hai hình thức:

+ Phản ánh với Ban thanh tra nhân dân, tổ chức mà mình là thành viên về hành vi tham nhũng: Điều 26 Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định: “*Nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng, vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình có quyền: a) Phản ánh với Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn hoặc ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước nơi mình cư trú hoặc làm việc; b) Phản ánh với tổ chức mà mình là thành viên*”. Việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng trong trường hợp này được thực hiện khi công dân phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức mà mình là

thành viên. Việc phòng, chống tham nhũng được đặt ra đối với mọi cấp, ngành, tổ chức và các cơ quan đơn vị cơ sở. Đối với các đơn vị cơ sở, các tổ chức, doanh nghiệp, người đứng đầu đơn vị và Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm đồng thời có vai trò quan trọng trong việc phòng, chống tham nhũng. Ban thanh tra nhân dân hoặc tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận phản ánh của công dân về hành vi có dấu hiệu tham nhũng hoặc vụ việc tham nhũng; xem xét, xác minh, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật và giám sát việc giải quyết đó, đồng thời thông báo kết quả giải quyết cho công dân đã có ý kiến phản ánh biết.<sup>1</sup>

+ Tố cáo hành vi tham nhũng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Khi phát hiện hành vi tham nhũng, vụ việc tham nhũng, công dân có quyền tố cáo hành vi, vụ việc và người tham nhũng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Hình thức này thường được thực hiện trong trường hợp người tố cáo không phải là thành viên cơ quan tổ chức (có hành vi, vụ việc tham nhũng). Trong công việc liên quan hoặc do thu thập tin tức, tài liệu từ nhiều nguồn tin khác nhau mà biết được hành vi tham nhũng, vụ việc tham nhũng, công dân có quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ tố cáo hành vi, vụ việc tham nhũng đó với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, khi phát hiện tham nhũng và thực hiện hành vi “phản ánh”, “tố cáo” hành vi tham nhũng, công dân phải “*nêu rõ họ, tên, địa chỉ, nội dung tố cáo và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền*”<sup>2</sup>; công dân phải chịu trách nhiệm về tính “khách quan”, “trung thực” của thông tin đã phản ánh, tố cáo và phải chịu trách nhiệm về lời tố cáo của mình<sup>3</sup>. Công dân không được lợi dụng quyền tự do dân chủ để tố cáo sai sự thật. Trường hợp công dân bịa

<sup>1</sup> Xem: Điều 26 Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ

<sup>2</sup> Xem: Điều 25 Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ

<sup>3</sup> Xem: Điều 64 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005

đặt và tố cáo người khác là tham nhũng nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại cho quyền lợi của người bị tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà có thể bị xử phạt hành chính, buộc bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vu khống theo Điều 122 BLHS.

Khi phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng, công dân có quyền được giữ bí mật (danh tính, thông tin tố cáo) để đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe,... Trường hợp người có hành vi tố cáo bị đe dọa, trả thù, trù dập... thì họ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ. Việc thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết đối với người có hành vi tố cáo tham nhũng là trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận thông tin tố cáo và cơ quan có thẩm quyền. Việc bảo vệ bí mật, an toàn cho người có hành vi tố cáo tham nhũng được thực hiện theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật khiếu nại, tố cáo và theo các quy định khác của pháp luật hiện hành<sup>1</sup>.

Để có thể phát hiện và tố cáo hành vi tham nhũng, góp phần có hiệu quả vào việc đấu tranh chống tham nhũng, công dân phải tự nâng cao nhận thức pháp luật nói chung, pháp luật về phòng, chống tham nhũng nói riêng. Việc nhận thức đúng về các hành vi tham nhũng, bản chất, đặc điểm và tác hại của các hành vi tham nhũng sẽ cho phép công dân phản ánh, tố cáo đúng người, đúng hành vi vi phạm qua đó góp phần có hiệu quả vào việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng.

#### ***4.1.4. Hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh, xử lý hành vi tham nhũng***

Hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh, xử lý hành vi tham nhũng là trách nhiệm của công dân trong hoạt động phòng, chống tham nhũng. Điều 6 Luật phòng chống tham nhũng quy định: “*Công dân ... có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền*

---

<sup>1</sup> Xem: - Điều 65 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005;

- Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ

*trong việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng*”. Điều 24 Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về trách nhiệm của công dân tham gia phòng, chống tham nhũng cũng quy định, công dân có trách nhiệm “*cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc xác minh vụ việc tham nhũng khi được yêu cầu*”.

Việc hợp tác, hỗ trợ, cung cấp thông tin cần thiết, nhất là trường hợp công dân có hành vi tố cáo tham nhũng có ý nghĩa quan trọng giúp cơ quan tổ chức xác minh, điều tra nhanh chóng làm rõ hành vi hành vi tham nhũng để xử lý theo pháp luật. Việc không hợp tác của công dân có thể gây khó khăn, làm cản trở việc xác minh, điều tra xử lý hành vi tham nhũng. Việc không hợp tác của công dân mà không có lí do chính đáng qua đó gây cản trở việc xác minh, điều tra hành vi tham nhũng, đặc biệt là các vụ việc phạm tội về tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ mà có thể bị xử lý về tội từ chối khai báo hoặc từ chối cung cấp tài liệu theo Điều 308 BLHS hoặc tội không tố giác tội phạm theo Điều 314 BLHS.

#### ***4.1.5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng***

Trong việc thực hiện chức năng, nghề nghiệp của mình hoặc thông qua việc giám sát hoạt động của các cơ quan, tổ chức hoặc bằng hiểu biết của bản thân, khi phát hiện những khiếm khuyết, sai sót, hạn chế của cơ chế, chính sách và pháp luật qua đó người có chức vụ, quyền hạn có thể lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng, thì công dân có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật để phòng, chống tham nhũng có hiệu quả. Những kiến nghị của công dân giúp cho cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót, “lỗ hổng” để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật làm cho người có ý định tham nhũng không thể lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng, qua đó góp phần phòng ngừa tham nhũng. Mặt khác, những kiến nghị của công dân có thể giúp cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật trong việc phát

hiện, điều tra, xử lý hành vi tham nhũng qua đó góp phần đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả.

Để tạo điều kiện cho công dân có thể thực hiện tốt trách nhiệm phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực này, pháp luật quy định cho công dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp thông tin. Công dân có quyền được biết về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình làm việc, địa phương nơi mình cư trú để từ đó kịp thời phát hiện các hành vi có dấu hiệu tham nhũng cũng như các căn cứ cần thiết để đưa ra các kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Điều 32 Luật phòng, chống tham nhũng quy định: “1). *Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình làm việc cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; 2). Công dân có quyền yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú cung cấp thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó...*”. Điều 6 Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ còn quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của công trong việc yêu cầu cung cấp thông tin và sử dụng thông tin được được cơ quan, tổ chức cung cấp.

Với các thông tin được cung cấp, công dân có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật cũng như việc thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng của cơ quan tổ chức qua đó phát hiện các hành vi tham nhũng cũng như kiến nghị cơ quan, tổ chức thực hiện các biện pháp cần thiết để phòng, chống tham nhũng; kiến nghị cơ quan, tổ chức hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng để phòng, chống tham nhũng có hiệu quả.

#### ***4.1.6. Góp ý kiến xây dựng pháp luật về phòng, chống tham nhũng***

Từ việc theo dõi tình hình tham nhũng, phân tích các số liệu, tài liệu thu thập được, dự đoán tình hình tham nhũng và yêu cầu phòng, chống tham nhũng trong thời gian tiếp theo trên cơ sở phân tích, đánh giá sự phù hợp, tính khả thi



của các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, công dân có thể thông qua các hội nghị, diễn đàn hoặc thông qua các cơ quan, tổ chức của mình kiến nghị, góp ý kiến với cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Sự tham gia tích cực của người dân có vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động phòng, chống tham nhũng. Mỗi công dân bằng hành vi của mình có thể tham gia phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hành vi cụ thể khác nhau như vận động người thân chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật; phê phán, lên án những hành vi tham nhũng; phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng; hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh, xử lý hành vi tham nhũng... Việc tham gia của người dân không chỉ có ý nghĩa trong việc phòng ngừa tham nhũng mà còn có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động chống tham nhũng qua đó góp phần ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ hành vi tham nhũng.

## **4.2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng**

Cán bộ, công chức, viên chức cũng là công dân vì vậy họ có trách nhiệm phòng, chống tham nhũng. Việc phòng, chống tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức khác với công dân bình thường ở chỗ họ là người có trách nhiệm trước tiên đối với việc phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình. Hoạt động phòng, chống tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức có thể được xem xét trong hai trường hợp: cán bộ, công chức, viên chức không phải là người lãnh đạo, quản lý; và cán bộ, công chức, viên chức là người quản lý, lãnh đạo trong cơ quan, tổ chức đơn vị.

### ***4.2.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức không phải là người lãnh đạo, quản lý***

Theo quy định tại các Điều 36, 37, 38, 39, 42 Luật phòng, chống tham nhũng, trách nhiệm phòng, chống tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức được thể hiện ở các nội dung sau:

+ **Thứ nhất**, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức. Đây là “*các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm,<sup>1</sup> phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và từng lĩnh vực hoạt động công vụ, nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức*”.<sup>2</sup>

Đối với các tổ chức xã hội, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Đây là những “*chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề*”.<sup>3</sup>

Các quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp giúp cho các bộ, công chức, viên chức nhận thức rõ bổn phận, trách nhiệm của mình trong công việc, nghề nghiệp để có tinh thần thái độ đúng đắn khi thực hiện công việc được giao từ đó tận tụy phục vụ nhân dân. Các quy tắc này còn có tác dụng quan trọng trong việc kiểm soát hành vi, ứng xử của cán bộ công chức, ngăn ngừa những hành vi sách nhiễu, lợi dụng công vụ để đòi hối lộ hoặc các hành vi trục lợi khác có tính...

+ **Thứ hai**, cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ báo cáo về các hành vi có dấu hiệu tham nhũng. Theo quy định tại Điều 38 Luật phòng, chống tham nhũng: “*Khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình làm việc thì cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trường hợp người đứng*

---

<sup>1</sup> Theo quy định tại Điều 37 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, các việc cán bộ, công chức không được làm bao gồm: a) Cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong khi giải quyết công việc; b) Thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; c) Làm tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về các công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc mình tham gia giải quyết; d) Kinh doanh trong lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ trong một thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ; đ) Sử dụng trái phép thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị vì vụ lợi.

<sup>2</sup> Xem: Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005.

<sup>3</sup> Xem: Điều 42 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005

*đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến dấu hiệu tham nhũng đó thì báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp”.*

Đối với trường hợp, “*cán bộ, công chức, viên chức biết được hành vi tham nhũng mà không báo cáo... thì (họ) phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật*”<sup>1</sup>. Việc quy định trách nhiệm báo cáo về hành vi, vụ việc có dấu hiệu tham nhũng có ý nghĩa quan trọng trong việc khuyến khích cán bộ công chức tích cực, chủ động trong việc phát hiện, phản ánh, tố giác hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị qua đó góp phần phòng, chống tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình. Điều 39 Luật phòng, chống tham nhũng còn cảnh báo cán bộ, công chức khi biết được hành vi tham nhũng mà không báo cáo...thì (họ) phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

+ ***Thứ ba***, cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ chấp hành quyết định về chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Theo quy định tại Điều 43 Luật phòng, chống tham nhũng: việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện định kỳ đối với một số vị trí công tác liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng. Điều này có tác dụng quan trọng trong việc tránh để cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác mưu cầu lợi ích riêng và thực hiện hành vi tham nhũng.

#### ***4.2.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị***

Cán bộ, công chức, viên chức là người lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị có vai trò rất quan trọng trong hoạt động phòng, chống tham nhũng tại cơ sở, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình. Hoạt động phòng, chống tham nhũng của những người này được thể hiện trên các nội dung sau:

---

<sup>1</sup> Xem: Điều 39 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005

+ **Một là:** tiếp nhận, giải quyết những phản ánh, báo cáo về hành vi có dấu hiệu tham nhũng xảy ra trong cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình. Sau khi tiếp nhận, giải quyết các nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi, vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, “người được báo cáo phải xử lý vụ việc theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý và thông báo cho người báo cáo”<sup>1</sup>; “người nhận được báo cáo về dấu hiệu tham nhũng mà không xử lý thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật”<sup>2</sup>.

Các quy định này có nghĩa quan trọng trong việc khuyến khích cán bộ, công chức tham gia phòng, chống tham nhũng. Điều này làm cho hành vi tham nhũng được phát hiện sớm, xử lý công minh, đúng pháp luật qua đó góp phần phòng ngừa tham nhũng.

+ **Hai là:** cán bộ, công chức, viên chức (quản lý, lãnh đạo) có trách nhiệm tuân thủ quyết định về việc luân chuyển cán bộ<sup>3</sup>, kê khai tài sản<sup>4</sup>. Việc luân chuyển cán bộ nhằm hạn chế việc cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi; việc kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức nhằm kiểm soát biến động về tài sản của cán bộ, công chức, viên chức nhằm sớm phát hiện hành vi tham nhũng.

+ **Ba là:** tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

Việc thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền.

---

<sup>1</sup> Xem: Điều 38 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005.

<sup>2</sup> Xem: Điều 39 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005.

<sup>3</sup> Xem: - Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 Sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

<sup>4</sup> Xem: Điều 44 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chủ động tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Việc chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân và cán bộ, công chức, viên chức khác do mình quản lý nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi tham nhũng<sup>1</sup>.

+ **Bổn là:** người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Trường hợp để xảy ra tham nhũng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất mức độ nghiêm trọng của vụ việc mà người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Xem: Điều 59, 60 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005.

<sup>2</sup> Xem: Điều 54, 55 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;
2. Ban nội chính trung ương, *Một số văn bản của Đảng về phòng chống tham nhũng*. Nxb. CTQG. Hà Nội 2005;
3. Bộ chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-TW ngày 15 tháng 5 năm 1996 của về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng;
4. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985;
5. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999;
6. Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ;
7. Công ước Liên Hợp Quốc phòng chống tham nhũng được thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2003;
8. Hiến pháp Việt Nam 1946;
9. Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013);
10. Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 6, Nxb CTQG. Hà Nội 1995;
11. Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 9, Nxb CTQG. Hà Nội 1995;
12. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 10 tháng 5 năm 1997;
13. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005;
14. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2007;
15. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí năm 1999;
16. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2012;

17. Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;
18. Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng chống tham nhũng;
19. Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng;
20. Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;
21. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
22. Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 Sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
23. Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9 tháng 3 năm 2007 về minh bạch tài sản, thu nhập;
24. Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng;
25. Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, về minh bạch tài sản, thu nhập;
26. Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
27. Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Văn Tài (dịch), *Hoàng Việt Luật Lệ*, Tập V (bản dịch) Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1994;

28. Nghị quyết của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa IX, kỳ họp thứ tư (từ ngày 6 đến ngày 30 tháng 12 năm 1993) về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chống tham nhũng, chống buôn lậu;
29. Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa ngày 21 tháng 10 năm 1970;
30. Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ ngày 20 tháng 5 năm 1981;
31. Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998;
32. Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh chống tham nhũng năm 2000;
33. Quyết định Số 240-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ), ngày 26 tháng 6 năm 1990 về đấu tranh chống tham nhũng;
34. Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 – 2010;
35. Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 4 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế “một cửa” tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;
36. Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;
37. Sắc lệnh số 223 ngày 27 tháng 11 năm 1946;
38. Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20 tháng 3 năm 1993 của TANDTC - VKSNDTC - Bộ nội vụ - Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số điều quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự;
39. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức* (Bản dịch), Nxb. CAND, Hà Nội 2011;
40. Văn Viễn, *Bác Hồ nói về chống tham ô, lãng phí quan liêu*, tại địa chỉ: [http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=30503&cn\\_id=240702](http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30503&cn_id=240702);



41. Viện sử học, *Quốc Triều Hình Luật* (Luật hình triều Lê), Nxb Pháp lý, Hà Nội 1991;
42. [http://vi.wikipedia.org/wiki/Tham\\_nh%C5%A9ng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tham_nh%C5%A9ng);
43. <http://www.vietnamplus.vn/Home/The-gioi-thiet-hai-hon-2600-ty-USD-do-tham-nhung/201012/71167.vnplus>;
44. <http://www.vietnamplus.vn/Home/Phien-hop-thu-35-cua-UBTVQH-ve-chong-tham-nhung/20109/62161.vnplus>;  
<http://www.vietnamplus.vn/Home/The-gioi-thiet-hai-hon-2600-ty-USD-do-tham-nhung/201012/71167.vnplus>;